

PHÁP UYỂN CHÂU LÂM

QUYỂN 62

Thiên thứ 69: TẾ TỪ

Thiên này có ba phần: Thuật ý, Hiến Phật, Tế từ.

Thứ nhất- PHÂN THUẬT Ý

Trộm nghe rằng: Vàng ngọc quý trọng khác nhau mà đối với con người cùng là vật báu, huyền nho nghĩa lý phân biệt nhưng từ xưa đến nay cùng nhau tuân theo, há nhất định là Khổng Tử sanh ra từ nước mình thì cần phải theo thầy, Đức Phật ở tại vùng xa cách có tâm mà vứt bỏ sao? Không thể nào sự việc thiết thực thì bày tỏ ngu dân hay sáng suốt, lý đúng sai không dám tự nắm giữ một mình. Xưa Khổng Khâu Từ biệt ra đi, miếu thờ ngàn năm vẫn quy mô; Thích Ca bày tỏ hướng về, chùa viện muôn đời là linh tháp. Muốn khiến cho thấy hình ảnh khắc sâu ý niệm, đối diện cảnh tượng vui lòng quy phục, kính trọng với thầy, trung thành với chủ, ý nghĩa ấy như nhau. Còn như Đinh Lan thất đại thờ kính hiếu thảo với hình hài mẹ bằng gỗ, Vô Tận Ý cỡi chuỗi ngọc dâng lên cúng dường tháp Phật Đa Bảo, nhỏ bé tìm từ xưa đến nay, với vợi nghĩ trong suốt cõi trần, đã gieo trồng trở thành rừng rậm, đối với lý chẳng thể vượt qua. Lại dựa theo Lễ, bậc Thiên Tử bảy miếu, hàng chư hầu năm miếu, hàng đại thần công khanh đều có thứ bậc; cho nên Thiên gọi là Thần, tế Trời ở gò tròn; Địa gọi là Kì, tế đất ở hồ vuông; Nhân gọi là Quỷ, cúng tế ở tại tông miếu. Rồng quỷ có công lao tuôn mưa, trâu bò đem sức lực kéo cày, do đó có người lập nên hình hài đầy đủ thôn xóm, dựng lên ảnh tượng nhà cửa thành quách, há so sánh với bậc Đại Sư của Tam giới Trời cao Trời thấp, đấng Từ Phụ của Tứ sanh cõi này cõi khác, uy đức làm cho vạn ức đều tuân theo, phong hóa làm mô phạm cho vạn sinh linh; cho nên người thiện hồi hướng, tựa như muôn sống quay về biển rộng, đại quan nhiếp thọ, giống như ngàn sao vây quanh nhật nguyệt. Từ Nguyệt Chi để lại bóng hình nào khô cạn, phân thân Xá-lợi lưu truyền khắp mọi nơi, Kỳ-hoàn liền tạo ra là Thánh là

Hiển, dựa vào phước thiện ấy hoặc tôn hoặc quý, mong cho người được an bình vậy.

Thứ hai- PHÂN HIỂN PHẬT

Hỏi rằng: Như ngày rằm tháng bảy, trong Thánh giáo khiến tạo bồn hiến cúng Đức Phật, ở trong ngày này lại có nhiều người khách, không biết đồ vật này đem ra cho người khách nào? Trả lời rằng: Nếu có thí chủ thì đồ vật thông dụng này đem cho khách nào cần dùng, nếu không có thí chủ thì đồ vật thông dụng ấy cần phải đưa vào chùa viện, lớn nhỏ chung riêng không quy định; giống như chùa nhỏ không phải là quốc gia tạo dựng, không có ai hiến cúng, lại không có gì quý hơn đến lúc việc xảy ra mà cân nhắc đắn đo, tùy theo Tăng dôi dào hay tiết kiệm mà trích vật của thường trú Tăng, làm cơm cúng dường Phật và Tăng, điều này cũng không có gì quá. Bởi vì Phật chung ở số Tăng ứng cúng, cho nên các chùa mỗi khi đến lúc đại thực hay tiểu thực, luôn luôn có hai mâm của Phật và Tăng, vì vậy biết có thể sử dụng. Nếu luận về bố tát thuyết giới, thì Phật không nhập vào số Tăng yết ma. Tại vì sao? Bởi vì địa vị Tam bảo khác nhau.

Nếu như là chùa lớn của quốc gia, giống như các chùa Trường An-Tây Minh-Từ Ân..., trừ phần đất lĩnh canh ra còn có ruộng vườn được ban tặng, tất cả mọi sự cung cấp đều là quốc gia cúng dường, cho nên hằng năm tặng bồn hiến cúng các loại tạp vật, và những người khiêng bồn âm nhạc, đồng thời có quan lại binh lính tặng bồn, người đến không phải là ít, không biết trích ra đồ vật như thế nào để cung cấp cho người tham dự? Còn trước khi bồn của quan chức chưa đến, hiến cúng trước Phật và cúng dường tạp sự, lại lấy vật gì để tiến hành? Đáp rằng: Nếu có vật thông dụng thì trước tiên sử dụng vật này; nếu không có vật này, lại không có sự giúp đỡ nào khác, thì chỉ có cách phải trích đồ vật của thường trú Tăng, để tiếp đãi mới người tham dự và làm cơm hiến cúng. Hỏi rằng: Dựa theo luật thì Tỳ kheo ác đến còn không phù hợp để giúp cho, Tỳ kheo đến thì nên giúp đỡ, đây đã là vật của thường trú Tăng, sao có thể loại bỏ tầm thường vậy? Đáp rằng: Như trong Tăng Kỳ, Thập tụng luật..., thì hàng Quốc vương, đại thần-thọ thầy hay giặc ác, đối với Tăng có thêm bớt, Đức Phật chế định tri sự trích vật của Tăng để tiếp đãi, cũng được chứ không phạm. Đây không phải là người thế tục nên trừ khử. Nhưng chế định tri sự không tiếp đãi, ấy là đồng thời đối với Phật Tăng có tổn hại cho nên loại bỏ tiếp đãi cũng không phạm. Đã biết như vậy, bây giờ quốc gia tạo bồn hiến cúng, bách quan âm nhạc,

Thánh thượng truyền lệnh chuyển giao Phật bồn hiến cúng, há có thể không tiếp đãi? Nếu không tiếp đãi, thì sẽ bị chê trách, lại làm cho người khác mỉa mai, người xuất gia chỉ cầu vật của người ta mà không tự mình bỏ thói bủn xỉn, người thế tục thấy gần chứ không biết xa, nói là hợp nhau, nào biết quả báo về sau? Đức Phật biết lợi và hại, cho nên chế định thuận theo lẽ thường vật. Hỏi rằng: Trước Phật hiến cúng Phật, nếu sử dụng vật của thường trú Tăng để tiến hành, thì xong việc về sau nhất định đưa vào thường trú Tăng, điều này không nghi ngờ gì, không biết có thí chủ khác hiến bồn hiến cúng các loại tạp sự..., như vậy thuộc về nơi nào? Đáp rằng: Đây là tùy theo tình ý của thí chủ mà có thông suốt và giới hạn. Nếu thí chủ dựa vào kinh mà thực hành, thì vốn là cứu giúp cho quyến thuộc người còn hay đã mất, việc làm dựa vào thập phương phạm Thánh Tăng tự tứ khi hết mùa Hạ, mới có năng lực cứu bạt cho thân thích đã khuất, được lìa xa tam đồ xong nợ sanh lên chốn Trời người. Vì lẽ đó sau khi hiến cúng Phật, tất cả đồ ăn thức uống còn lại tăng lên và các loại thuộc về gạo bột cung cấp cho sự sống, đều đưa vào thường trú Tăng, dùng đó để trở lại cung cấp cho Tăng. Đương nhiên ngoài tạp vật như tiền bạc, áo quần, vật dụng...ra, đều đưa vào sau mùa Hạ, khách chủ chia đồng đều, bốn phần kết quả thì thực phẩm trong mùa Hạ không nên phân chia, thuận theo phân chia y phục trong mùa Hạ và y phục tự tứ...

Nếu tâm thí chủ giới hạn chỉ hiến cúng thực phẩm dâng Phật, đưa vào Tăng tự tách ra ngoài tiền bạc tạp vật, hoặc đưa vào Phật, đưa vào Pháp đưa vào hiện tiền Tăng..., tùy ý của người bố thí chứ không được làm trái.

Vì vậy trong Tát Bà Đa Luận nói: “nếu bố thí Phật bảo, thì đặt trong tháp thờ móng tóc cúng dường Pháp thân Phật, bởi vì Pháp thân là thường trú”.

Lại trong Bà Sa Luận: “Hỏi rằng” Lúc Phật tại thế, trong các vật cúng dường Tam bảo thường được phân chia một người, tại sao sau khi Phật diệt độ chỉ lấy một phần? Đáp rằng: Lúc Phật tại thế, sắc thân thọ dụng cho nên lấy phần một người, sau khi diệt độ thì công đức Pháp thân được hơn hẳn Tăng thân cho nên lấy một phần. Nếu bố thí pháp thì phân làm 2 phần, một phần giúp cho kinh, một phần giúp cho người tụng không thuyết pháp. Nếu bố thí Pháp Bảo, thì được an trí trong tháp, cúng dường lý của Pháp bảo. Nếu bố thí Tăng bảo, thì cũng đặt trong tháp, bởi vì cúng dường Đệ nhất nghĩa đế Tăng. Nếu nói bố thí chúng Tăng, thì phạm Thánh đều được, bởi vì nói không có chỗ hướng về. Đã

biết như vậy thì lúc thọ nhận bố thí, cố gắng biết thông suốt hay tắc nghẽn, đừng để sử dụng lẫn lộn, khiến cho có điều sai trái”.

Theo đây thì ngày rằm tháng bảy những gia đình người thế tục đều làm cơm nước hiến cúng dựa vào trong kinh để cứu giúp thân thuộc, xong việc về sau đều cấp phải đưa cơm nước đến chùa, không được tự mình ăn. Nếu vốn được làm ra chỉ mong hiến cúng Phật chứ không đưa vào Tăng, thì tự mình ăn không phạm, nhưng trái với ý nghĩa cứu giúp cho mẹ.

Lại trong Tăng Kỳ Luật nói: “Vật và hoa cúng dường Phật nhiều thì tùy thuận mà bán trao tay, hương đèn hầy còn nhiều, thì lại bán ra để đưa vào trong tài sản vô tận”.

Lại trong Ngũ Bách Vấn Sự nói: “Vật dụng trong tháp Phật có nhiều mà muốn làm Phật sự khác thì được, thì chủ không đồng ý thì không được”.

Lại trong Tứ Phần Luận nói: “Thức ăn cúng dường tháp Phật, người quản lý tháp được ăn”.

Lại trong Thiện Kiến Luận nói: “Hiến cúng thức ăn trước Phật, Tỳ kheo hầu Phật được ăn. Nếu không có Tỳ kheo, thì bạch y hầu Phật cũng được ăn”.

Lời bàn: Đây là căn cứ vào hạn định, như trước đã quyết định. Nếu nói chung về điều ấy thì đạo tục thiết trai hiến cúng Phật và Thánh Tăng, tình ý của thí chủ thông suốt xướng lên thức ăn còn lại, sau khi hiến cúng vẫn thuộc về thí chủ, không vất vả thu nhận chuộc lại và một mình nắm giữ đưa vào cho người hầu. Vật của Pháp và Tăng tương tự như trước có thể biết rõ.

Hỏi rằng: Ngày rằm tháng bảy đã khai mở cho đạo tục làm bồn hiến cúng, không biết có thể làm bồn quý báu bằng các loại vật quý lẫn lộn để hiến cúng Phật được không? Đáp rằng: Điều được. Nếu dựa theo kinh Tiểu Bồn Báo Ân, thì sơ lược không có vật quý báu; dựa theo kinh Đại Bồn Tịnh Độ, thì vốn là có vật quý báu, “Mười sáu Quốc vương nghe Đức Phật thuyết về Mục-kiền-liên cứu mẹ thoát khỏi ba kiếp khổ đau của ngạ quỷ sanh trong loài người mẹ con gặp nhau. Lúc ấy Bình Sa Vương liền truyền cho quan giữ kho: Làm bồn cho Ta. Quan giữ kho tuân theo lệnh vua, liền dùng năm trăm bồn vàng, năm trăm bồn bạc, năm trăm bồn lưu ly, năm trăm bồn xa cừ, năm trăm bồn mã não, năm trăm bồn san hô, năm trăm bồn hổ phách, mỗi mỗi bồn chứa đầy đồ ăn thức trăm vị, làm đúng như pháp, mang đến cúng dường Phật và Tăng”. Theo đây chắc chắn là được.

Hỏi rằng: Dựa theo Kinh Tiểu Bồn, thì “Đức Phật bảo với Mục-kiền-liên: Mười phương chúng Tăng, ngày rằm tháng bảy vào lúc tự tử, nên vì cha mẹ bảy đời và cha mẹ hiện tại đang trong ách nạn mà làm cơm, hoa quả trăm vị-bồn chậu nước-hương dầu đèn nến-giường nằm màn chiếu các đồ vật đầy đủ, tất cả mọi thứ ngon ngọt đem đặt trong bồn, cúng dường mười phương Đại đức chúng Tăng. Lúc bắt đầu nhận bồn thì trước hãy đặt ở trước tháp Phật, chúng Tăng chú nguyện xong thì tự dùng cơm”. Bất luận cúng dường nhiều loại lẫn lộn, ngày nay các chùa có sức lực và tài sản, làm nhiều loại trộn lẫn nhau, hoặc dùng vật báu xen lẫn, hoặc dùng họa vẽ xen lẫn, hoặc dùng gạo bột, hoặc dùng đèn nến, hoặc dùng chì thiếc, hoặc dùng màu sắc trộn lẫn nhau..., cũng có đạo tục coi trọng đẹp đẽ bàn luận chê bai việc này. Mục-kiền-liên vì mẹ sanh ở ngã quý, Đức Phật dạy làm trăm vị đồ ăn thức uống hiến cúng Phật và Tăng, tại sao đem đồ vật quý báu lẫn lộn hoa hòe để hiến cúng Phật Tăng, há có thể ăn những sắc màu lẫn tạp vật quý hoa hòe hay không? Đáp rằng: Không cần phải vì mình hẹp hòi nông cạn mà làm tổn hại phước thiện to lớn của người. Vì vậy trong kinh Đại Bồn nói: “Bình Sa Vương làm năm trăm bát vàng, chứa đầy hoa nghìn sắc; năm trăm bát bạc chứa đầy hương gỗ trắng nghìn sắc; năm trăm bát lưu ly chứa đầy hương vàng tía nghìn sắc; năm trăm bát xà cừ chứa đầy hoa sen vàng nghìn sắc; năm trăm bát mã não chứa đầy hoa sen đỏ nghìn sắc; năm trăm bát san hô chứa đầy hương gỗ xanh nghìn sắc; năm trăm bát hổ phách chứa đầy hoa sen trắng nghìn sắc. Nhà vua nhìn thấy như pháp, liền truyền lệnh quan binh chuẩn bị xa giá cùng mười bốn vạn người, tất cả đến chùa Kỳ-hoàn lễ Phật dâng bồn cúng dường chúng Tăng, đem bồn bát bảy báu cùng cúng dường Phật và Tăng, Tăng thọ dụng xong, quay xa giá trở về nước. Cha mẹ bảy đời vượt qua tội lỗi sanh tử của bảy mươi hai kiếp. Sau đó cư sĩ Tu Đạt, mẹ Tỳ Xá Khư, hai trăm Ưu-bà-di, vua Ba-tư-nặc, phu nhân Mạt Lợi..., ban ra truyền khắp trong nước, dựa theo pháp bồn của Mục-kiền-liên vì mình làm bồn, đều dùng năm trăm bồn vàng tía, bồn vàng thắm, chứa đầy cơm và thức ăn trăm vị, sau dùng năm trăm chiếc kiệu vàng tía, năm trăm chiếc kiệu vàng thắm chất đầy trăm thứ đồ vật, mọi việc đầy đủ, liền đến trước nhà vua và phu nhân. Trông thấy tất cả như pháp, lúc ấy nhà vua lập tức dùng xa giá nghiêm trang, cùng mười tám vạn người đi đến ở trước Phật, dâng lên ngàn bồn vàng và ngàn chiếc kiệu vàng đều xong, cung kính lễ tạ trở về nước. Cha mẹ bảy đời vượt qua tội lỗi sanh tử của bảy mươi hai kiếp”.

Hỏi rằng: Như trước đã quyết định, dựa theo kinh thì thí chủ đem bồn quý báu hoa quả tươi đẹp tiến hành hiến cúng như trước. Nếu không có thí chủ, thì có thể dùng vật của thường trú Tăng làm đẹp để cúng dường Phật hay không? Đáp rằng: Cũng cần phải tùy theo thời gian quán sát trước cái lợi và hại. Nếu như chùa nhỏ không có nhiều đồ vật quý báu tốt đẹp, lại không có người ngoài mả mai, thì không nên sử dụng vật của thường trú Tăng để làm cho rực rỡ đẹp để cúng dường trước Phật. Cây trên đất Tăng có hoa, thì có thể lấy cúng dường trước Phật.

Do đó trong Thập tụng Luật nói: “Cây trong vườn Tăng có hoa tùy ý lấy cúng dường tháp Phật, nếu có quả thì sai người lấy cung cấp cho Tăng ăn uống”.

Lại trong Tỳ Nu Mẫu Luận nói: “Đã ở nơi đất linh canh trồng cây được gỗ sau sử dụng sửa chữa nhà cửa, không cần phải trình bày với Tăng dùng sửa chữa tháp, Tăng hòa hợp thì được sử dụng”.

Vì vậy kinh Bảo Ân nói: “Nếu dùng vật của Tăng để tu sửa tháp Phật, thì dựa theo pháp lấy Tăng hòa hợp được sử dụng, không hòa hợp thì khuyến khích thiện nam tín nữ tu sửa”.

Lại trong Tát Bà Sa Luận nói: “Đất của tứ phương Tăng không hòa hợp, thì không nên làm tháp Phật mà để trồng hoa quả cúng Phật. Nếu trong Tăng được chia, thì xem xét phán quyết tùy theo ý mà cúng dường. Nếu hoa nhiều không hạn định thì tùy ý sử dụng cúng dường”.

Lại trong kinh Bảo Ân nói: “Người muốn sáng lập chùa viện cúng dường, vật đã bố thí giao phó cho Tăng rồi, không thể trở lại tham gia góp ý được. Nếu như người chủ ban đầu ấy trở lại lấy tiền tài sử dụng, thì đồng thời cần phải hoàn trả bảy lần. Nếu lúc có chùa mới xây dựng, thì Tỳ kheo trình bày rõ với chúng Tăng, trong chùa ấy trồng tọt tất cả hoa quả dâng cúng Phật, cành lá và quả hạt để cho hiện tiền Tăng sử dụng, và bố thí cho tất cả chúng sanh. Nếu không như vậy, không hỏi đến đạo tục, thì người ăn sẽ mang tội”.

Lời bàn: Đã biết Tam bảo khác nhau thì không được sử dụng lẫn lộn, lúc mới xây dựng chùa thì điện Phật phòng Tăng đều cần phải phân biệt vị trí. Giống như chùa lớn làm tháp Phật nơi khác, bốn phía thoáng đãng sạch sẽ, tất cả hoa quả trong đó, nếu có được vật này thì sử dụng đều thuộc về tháp, bên ngoài phạm vi của tháp thì thuộc về Tăng sử dụng.

Do đó trong Thập tụng Luật nói: “Đức Phật tùy theo phạm vi của Tăng và tháp Phật được nuôi người sử dụng và voi ngựa trâu dê..., đều

có phạm vi của mình chứ không được sử dụng lẫn lộn”.

Lại trong kinh Bảo Lương Bảo Ân nói: “Đồ vật của Phật và Pháp không được sử dụng lẫn lộn, bởi vì không có ai làm chủ vật của Phật và Pháp, lại không có thể hỏi han rõ ràng, không giống như vật của Tăng, thường trú chiêu đề cùng có những nhu cầu, Tỳ kheo làm việc gì mà Tăng hòa hợp như ý muốn, tiến hành trừ liệu hòa hợp thì được sử dụng”.

Lại trong Tát Bà Đa Luận nói: “Chùa viện nếu trải qua đói kém, ruộng vườn của Tam bảo không có gì phân biệt có thể hỏi người phân xử; nếu Tăng hòa hợp thì tùy ý sắp xếp; nếu thuộc về tháp thì công sức luôn luôn sử dụng đối với tháp, Tăng sử dụng sẽ mang tội nặng. Nếu công sức do Tăng, thì nên tính toán nhiều ít, Tăng lấy mà sử dụng, đừng để cho vượt quá giới hạn, nếu vượt quá thì mang tội nặng”.

Trên đây đã nêu ra chùa nhỏ không có gì mĩa mai tổn hại thì cần phải y như trước đã quyết định. Nếu như bây giờ, hoặc có chùa lớn do quốc gia xây dựng, có sự cung cấp riêng, và có ban tặng ruộng đất, mọi người giàu sang qua lại sớm chiều, đã không có vật thông dụng, lẽ nào có thể không tiếp đãi? Còn như ngày rằm tháng bảy, hiến cúng ở trước điện Phật, há có thể chỉ là trống rỗng? Nếu như không làm nhiều cơm canh hoa quả để cúng dường Phật, chỉ tăng thêm đôi chút so với cơm nước thường ngày để cúng dường Phật được hay không? Nếu như có người quan sát thăm hỏi để điều tra sự việc ở trên bị thế tục bàn tán mĩa mai, nói rằng Tăng bủn xỉn không bằng hàng bạch y, thì không những không cung kính đối với Phật mà cũng không sợ sự việc ở trên vào một ngày nào đó sẽ bị chỉ trích, lẽ nào có thể từ chối trích vật của Tăng mà không nên đem ra cúng dường Phật hay sao? Đã biết như vậy, nếu không có vật thông dụng, thì chỉ được dùng vật của thường trú Tăng, lo liệu đầy đủ các loại hoa quả, đồ ăn thức uống trăm vị để cúng dường Phật, khiến cho người thế tục phát sinh tâm thiện diệt trừ niệm ác, điều này cũng không tổn hại gì. Tuy sử dụng vật của Tăng không có thể cứu giúp quyến thuộc còn mất của người khác, mà cũng tránh được tội lỗi bị thế tục mĩa mai hủy báng vậy.

Như trong Ngũ Phần Luật nói: “Người thế tục đi vào chùa gặp lúc Tăng dùng cơm, Tăng không cung cấp thì bị thế tục mĩa mai hủy báng, Đức Phật khai mở tùy ý giúp cho. Đã cho phép khai mở giúp đỡ mà dùng vật dụng xấu xí chứa đựng đưa cho cũng bị thế tục căm giận, Đức Phật dạy: Cho phép giúp đỡ đồ vật tốt lành”. Đây đều là do tri sự tiếp xúc xem xét kỹ càng, đến lúc sự việc xảy ra thì cân nhắc đắn đo, tiến

dùng thích hợp, tức là phù hợp Thánh ý, không được bộp chộp nóng nảy luôn luôn cố chấp. Vì vậy trong Ngũ Phần Luật nói: “ Tuy là Ta nói, nhưng ở nơi chốn khác không thanh tịnh, thì không làm không có gì sai; cho dù không phải Ta nói, mà ở nơi chốn khác thanh tịnh, thì không thể không thực hành”.

Còn trong Kinh Phật Thuyết Trừ Tai Hoạn nói: “Lúc bấy giờ đất nước Duy Da Ly, xảy ra dịch bệnh nghiêm trọng người chết vô số, không có nơi nào cứu được. Quốc vương đại thần tập trung bàn bạc, đất nước gặp phải tai họa không phải là ma đập tắt được, dịch bệnh nghiêm trọng đã làm vô số người chết, nên dùng cách gì thích hợp để trừ tai họa tổn hại? Hoặc có người bàn rằng: Nên ở tại các cổng thành mà lập đàn thờ cúng. Hoặc có người bàn rằng: Nên ở tại đầu ngã tư đường trong thành thiết lập đàn thờ cúng tế lớn để cầu khẩn trừ diệt dịch bệnh tai họa. Lúc ấy trong chúng hội có một Trưởng giả, tên là Đàn Ni (Thời Tấn nói là Tài Minh) tôn thờ Đức Phật thọ trì năm giới tu hành mười thiện, bàn rằng: Chỉ nghe lời đã nói là đất nước gặp phải tai họa người chết vô số, như các vị đề nghị giết hại loài vật cứu mạng người, há có thể đúng chăng? Bởi vì đời kiếp trước kia đã làm điều không tốt, nay gặp phải tai họa này, nên tìm phương pháp lấy thiện loại trừ ác vĩnh viễn cho đau khổ lìa xa, tại vì sao trái lại làm tổn hại để cầu bình an, đăm dãi tâm tối nhận chịu khổ đau không có hạn kỳ thoát ra như vậy? Lúc ấy mọi người đều hỏi Tài Minh rằng: Nên tìm kế sách gì thích hợp vậy? Tài Minh đáp rằng: Thế gian có bậc thầy của Trời người khắp Đại thiên thế giới, che chở bảo vệ yêu thương tất cả chúng sanh, tôn xưng danh hiệu là Phật, một mình đi giữa ba cõi, nếu Đức Phật hạ cố thương xót che chở cho đất nước chúng ta, thì tai họa sẽ được trừ diệt, người và loài vật an lành vô cùng. Mọi người nghe nói thấy đều ca ngợi tốt lành: Như người nhân ái đã nói, thật là vô cùng vui sướng, nhưng Phật ở nước Vương xá thuộc về vua A-xà-thế, cùng với đất nước chúng ta có mối hiềm khích, lẽ nào sẽ thuận ý để Phật đến đây ư? Tài Minh nói: Đức Phật xuất hiện ở thế gian với chí nguyện cứu khổ, giống như bầu hư không chẳng có gì ngăn ngại vướng mắc, cũng giống như ánh sáng mặt Trời không có loài nào không được nuôi dưỡng, Đức Phật thương xót đất nước gặp tai ách chắc chắn đến chứ không nghi ngờ gì, chỉ cần sai người mang lễ vật dâng tặng, ngỏ lời nhận lỗi với vua A-xà-thế, mà được hòa hiệp với nhau, Quốc vương đại thần đều đồng ý nói rằng: Chỉ riêng thanh tín sĩ là Trưởng giả Tài Minh, là đệ tử của Phật có thể làm sứ giả. Bấy giờ Tài Minh nhận làm sứ giả sắp lên đường, mọi người đều đứng dậy hướng về phía

Đức Phật, vòng tay quỳ thẳng năm vóc sát đất mà đảnh lễ Đức Phật. Ngay sau đó Tài Minh nhận sứ mạng làm sứ giả, đến thành Vương xá trình thư dâng lễ vật, trình bày đầy đủ mục đích đến. Nhà vua bảo với Tài Minh: Nên đến nơi Đức Phật trình bày về vận mạng của đất nước. Thế là Tài Minh cáo từ để đến Trúc Lâm. Đi đến tinh xá tiếp kiến Đức Thế tôn, hết lòng cung kính lễ lạy trình bày đầy đủ ý nguyện thỉnh cầu, lúc ấy Đức Phật im lặng đồng ý với sự thỉnh cầu ấy. Tài Minh thấy Đức Phật nhận lời thỉnh cầu nên hoan hỷ vô cùng. Lúc ấy hết thảy thần kỳ thiên long quỷ thần trong phạm vi lãnh thổ của nước Vương xá, biết do nhận lời thỉnh cầu sẽ đến đất nước khác, không có ai không xao động mà đau thương sầu thảm không vui. Ngay sau đó vua A-xà-thế và quần thần cùng tất cả đại chúng mấy ức ngàn người, năm vóc sát đất tự quay lại hối hận về sai lầm của mình, rơi nước mắt tiễn đưa Đức Phật. Đức Phật hiện bày thần thông biến hóa đến nước Duy Da Ly, nhân dân cả nước cúi rạp sát đất làm lễ, tự tìm đến chân Đức Phật quy mạng Tam bảo, hương hoa âm nhạc lộng tần cờ phướn cung kính đón chào Đức Thế tôn. Hương hoa che kín mặt đất, tìm đường đến cúng dường, ngày ngày không dứt. Đến nơi hoàng thành, Đức Phật và Thánh chúng thiên long quỷ thần, dừng lại trước cổng thành, đưa cánh tay đức tướng sắc vàng, chạm vào bậc cửa của cổng thành, dùng tám loại Phạm âm thanh tịnh, mà thuyết kệ rằng:

*Các loại chúng sanh trong ba cõi,
Loài ở trong cảnh giới đất liền,
Loài đi đứng ở trên mặt đất,
Và loài cư trú giữa hư không,
Yêu thương đối với mọi chúng sanh,
Khiến tất cả đều được an lành,
Ngày đêm luôn chịu khó tinh chuyên,
Vâng theo hướng về hoặc pháp thiện.*

Thuyết kệ này xong, mặt đất liền xuất hiện sáu lần chấn động dữ dội, Đức Phật đã đi vào thành, quỷ thần giữa hư không vọt lên không trung tản ra hết, quỷ thần đi trên mặt đất tranh cổng mà chạy ra, cổng thành không chịu đựng nổi sự tháo chạy tán loạn của rất nhiều quỷ thần, thành sụp đổ mà thoát ra ngoài. Vào lúc ấy trong thành có những nơi bất tịnh, hố xí hôi thối xấu xa chìm xuống sâu vào lòng đất; gò đồi cao thấp cùng với hố hầm nương máng đều trở thành bằng phẳng; người mù được thấy, người điếc được nghe, người câm nói được, người què đi được, người điên được tỉnh táo, người bệnh được trừ khỏi; voi ngựa trâu dê và

súc vật, kêu gào buồn thảm hòa lại với nhau; các loại nhạc khi không đánh mà tự phát ra tiếng vang, cung thương điều hòa trầm bổng; phụ nữ đeo vàng ngọc chạm vào nhau phát ra âm hưởng tuyệt vời, đồ dùng bình lọ tự nhiên có tiếng vang, êm dịu trong lành họa theo pháp âm vi diệu thông suốt; kho tàng ẩn kín trong lòng đất tự nhiên bày rõ ra. Tất cả chúng sanh như gặp lúc khát cháy mà có được dòng nước mát lạnh, ăn uống tấm gột thanh thản nghỉ ngơi, tất cả mọi căn bệnh trừ khỏi; đều được giải thoát, cũng lại như vậy”.

Lời thuật: Nếu biết rằng thần lực của chư Phật không thể nghĩ bàn, nghiệp lực của chúng sanh cũng không thể nghĩ bàn.

Vì vậy trong Đại Trang Nghiêm Luận nói: “Nếu có thiện nghiệp, thì bởi lực tự nhiên cho nên nhận được nghiệp báo tốt đẹp. Tuy có sức mạnh của Quốc vương che chở, mà không bằng nghiệp lực làm cho nhận chịu quả báo. Xưa Ta từng nghe, có một người nghèo dấy lên suy nghĩ như vậy: Nên đến cúng tế Trời đất cầu cho đời hiện tại thêm nhiều tiền bạc châu báu. Dấy lên ý nghĩ này rồi nói với em trai mình rằng: Em hãy chịu khó làm ruộng cho tốt để kiếm sống, đừng khiến cho trong nhà có điều gì thiếu hụt. Thế là dẫn em trai mình đi đến giữa ruộng, nói rằng nơi này có thể gieo hạt vừng, nơi này có thể gieo thóc lúa, nơi này có thể gieo đậu mè... Chỉ rõ nơi gieo trồng cho em trai rồi đi vào trong đền thờ Trời đất làm đệ tử cúng tế thực hiện trai hội cúng bái Trời đất, cúng dường hương hoa, bùa thơm xoa đất, ngày đêm lễ lạy cầu ân thỉnh phước, hy vọng đời hiện tại được tăng thêm tài sản. Lúc bấy giờ Thiên Thần dấy lên tư duy rằng: Quán sát người nghèo kia ở trong đời trước có thể có nhân duyên công đức bố thí hay không, nếu có chút duyên thì nên tìm cách làm cho có nhiều ích lợi. Quán sát người ấy rồi biết rõ không có một chút nhân duyên bố thí nào cả, lại dấy lên nghĩ rằng: Người kia đã không có nhân duyên, mà nay tinh cần cầu thỉnh hưởng về mình, uống công làm cho vất vả cực nhọc mà sau này không có ích gì, lại sẽ oán trách mình. Thế là hóa làm người em, đi vào trong đền thờ. Lúc ấy người anh nói rằng: Em đã gieo trồng ra sao mà lại đến đây làm gì? Người em biến hóa trình bày rằng: Em cũng muốn đến cầu thỉnh Thiên Thần, khiến cho Thiên Thần hoan hỷ mà cầu xin cơm ăn áo mặc, em tuy không gieo trồng nhưng nhờ lực của Thiên Thần, lúa mè trong ruộng tự nhiên có đủ. Người anh trách người em rằng: Sao có chuyện trong ruộng không gieo hạt giống mà mong có thu hoạch, điều này là vô lý. Liền nói kệ rằng:

Trong mặt đất ở khắp mọi nơi,

*Cho đến tận cùng khắp thế giới,
Sao có chuyện không gieo hạt giống,
Mà mong được thu hoạch quả hạt?*

Lúc bấy giờ người em biến hóa hỏi anh mình rằng: Thế gian quả là có chuyện không gieo hạt giống thì không được kết quả ư? Người anh trả lời người em rằng: Thật sự như vậy đấy, không gieo hạt thì không có quả. Lúc ấy Thiên Thần trở lại hình dáng của mình, liền nói kệ rằng:

*Bây giờ ông tự mình nói ra,
Không gieo hạt không có kết quả,
Vì thân trước không hề bố thí,
Nay làm sao có được kết quả?
Nay quan sát ông thật vất vả,
Nhịn ăn nhịn uống cúng dường Ta,
Uống công tự làm mình khổ nhọc,
Lại còn quấy nhiễu làm phiền Ta,
Do đâu có thể khiến cho ông,
Hiện tại có chuyện được nhiều thêm?
Nếu muốn được tiền bạc châu báu,
Từ vợ con cho đến quyến thuộc
Cần phải giữ thân miệng trong sáng
Mà thực hành sự nghiệp bố thí.
Không gieo trồng mà được phước lợi
Mặt Trời mặt trăng và muôn sao
Không thể nào soi chiếu thế gian
Bởi vì soi chiếu được thế gian
Nên biết rằng do nghiệp vốn có
Giữa các cõi Trời trên Trời cao
Cũng đều có những sự khác biệt
Phước lực và uy đức mạnh mẽ,
Phước ít và uy đức nhỏ bé
Vì vậy cho nên biết thế gian,
Tất cả đều căn cứ vào nghiệp
Bố thí được của cải dồi dào,
Trì giới đầu thai lên cõi Trời
Nếu không có nhân duyên bố thí,
Uy đức đời kiếp sẽ giảm mất
Tu tập định tuệ được giải thoát,
Ba điều này đạt được quả báo*

*Bậc Thập Lực tôn kính đã nói,
Sự gieo trồng này đều là nhân
Không nên làm nhiều loạn đến ta,
Vì vậy cho nên phải tu nghiệp
Để cầu quả báo trong tương lai”.*

Lại trong kinh Trường A-hàm nói: “Tất cả nhân dân ở trong nhà cửa của mình, đều có quỷ thần chứ không có nơi nào trống rỗng. Đường lớn ngõ nhỏ lò mổ hiệu buôn, và các núi đồi mồ mả, đều có quỷ thần chứ không có nơi nào trống rỗng. Tất cả các quỷ thần đều tùy theo nơi nương nhờ, thì lấy đó làm tên gọi. Như người mới sinh ra đều có quỷ thần đi theo ủng hộ. Nếu người sắp chết thì quỷ thần lấy tinh khí. Người làm 10 nghiệp ác, hoặc là trăm hoặc là ngàn, cùng chung một vị thần bảo vệ. Người làm 10 nghiệp thiện, giống như Quốc vương có trăm ngàn người mà hầu hạ bảo vệ”.

Lại trong kinh Thập Phương Thí Dụ nói: “Quỷ thần Trời cao Trời thấp biết thọ mạng tội phước của con người, đang đến hoặc chưa đến, không có thể cứu sống người, không có thể giết hại người, không có thể khiến cho người giàu sang hay nghèo hèn, chỉ muốn làm cho người ta tạo điều ác phạm tội chết, dựa vào con người gặp lúc suy hao mà đến làm cho rối loạn, nói đến họa phước của họ, khiến cho người hưởng về mong được thiết lập đền thờ cúng tế mà thôi”.

Vì vậy biết rằng thờ cúng quỷ thần trống rỗng để mong cầu phước báo hiện tại thì khó có thể được sự giúp đỡ.

Lại trong kinh Phổ Diệu nói: “Lúc ấy Ca-diếp, dùng kệ trả lời Đức Phật:

*Tự nghĩ lúc thờ cúng đến nay
Đã trải qua tám mươi năm rồi,
Tôn thờ các thần gió - lửa - nước
Mặt trăng - mặt Trời các núi sông,
Ngày đêm không lười nhác bỏ bê
Trong tâm không có ý niệm khác,
Đến cuối cùng không đạt được gì
Gặp được Phật mới thật an lòng”.*

Lại trong kinh Tạp Bảo Tạng nói: “Ngày xưa có một Bà-la-môn, làm miếu thờ Thiên tôn kính hầu hạ ngày đêm. Thiên liền hỏi rằng: Ông cầu mong những gì? Bà-la-môn nói: Nay tôi cầu làm chủ cúng tế Thiên ở đây. Thiên nói: Đấng kia có bầy trâu, ông hỏi con trâu đi đâu đàn ấy. Liền như lời Thiên nói, đến hỏi con trâu ấy: Ông bây giờ sao

giống như là khổ hay là vui? Trâu liền đáp rằng: Thật là vô cùng khổn khổ, kẹp sát hai bên sườn, ách gỗ tàn ác làm rách sống lưng, kéo xe chở đầy hàng, nặng không được nghỉ ngơi. Lúc ấy lại hỏi rằng: Ông vì duyên gì mà nhận chịu thân hình loài trâu như vậy? Trâu đáp rằng: Tôi là chủ cúng tế Thiên, tự ý làm rất tùy tiện, dùng vật cúng tế Thiên, mạng chung làm thân trâu, nhận chịu khổ não như vậy. Nghe lời này rồi liền trở lại chỗ Thiên. Thiên liền hỏi rằng: Nay ông muốn được làm chủ cúng tế Thiên hay không? Bà-la-môn nói: Tôi trông thấy sự thật này thì không dám làm. Thiên nói: Người làm điều thiện ác tự mình nhận được báo ứng của mình. Bà-la-môn hối hận về sai lầm của mình, liền tu các điều thiện sửa đổi điều ác trước kia”.

Lại trong kinh Tạp Bảo Tạng nói: “Xưa có ông lão gia đình giàu có, mà ông lão này nghĩ đến được ăn thịt, giả vờ tìm cách chỉ về cây to đầu bờ ruộng, nói với các con rằng: Sở dĩ khiến cho cơ nghiệp nhà ta hài hòa giàu có, là nhờ ân phước của thần cây này cho nên như vậy, hôm nay các con nên chọn lấy dê trong đàn để làm thịt cúng tế. Lúc ấy những người con theo lời cha bảo, liền bắt dê giết thịt tạ ơn thần cây này, ngay ở dưới tán cây lập đàn cúng tế Trời đất. Về sau người cha tuổi thọ đã hết mà qua đời, hành nghiệp đã truy tìm lại sanh vào trong đàn dê của nhà mình. Lúc ấy gặp các con muốn cúng tế thần cây, liền chọn ấy một con dê, gặp đúng là cha của họ đầu thai, đem đi sắp giết thịt, con dê liền nghẹn ngào cười mà nói rằng: Cây này nào có thần linh gì đâu, ta ở lúc trước kia bởi vì nghĩ đến thịt, nói dối khiến cho các người cúng tế, đều cùng với các người ăn chung thịt ấy, nay đền trả tội lỗi, chỉ một mình ta gánh chịu tai họa trước kia. Lúc ấy có vị La hán đi qua vào nhà khát thực, thấy người cha đã mất của họ nhận chịu thân dê, liền cho người chủ nhà mượn đao nhẵn khiến tự mình quán sát, mới biết là cha mình nên lòng dạ xót xa buồn khổ, lập tức phá bỏ thần cây hối hận về sai lầm của mình mà tu phước, không tiếp tục giết hại mạng sống loài vật”.

Thứ ba- PHẦN TẾ TỪ

Như kinh Ưu Bà Tắc Giới nói: “Đức Phật dạy: Hoặc có người nói rằng “Con tu theo pháp thiện, cha làm điều bất thiện, nhờ con tu thiện làm cho cha không đọa vào ba đường ác”, thì nghĩa này không đúng, tại vì sao? Bởi vì nghiệp của thân miệng ý đều khác biệt. Nếu cha mất rồi đọa vào trong ngục quỷ, con làm phước giúp cha, nên biết là vẫn được. Nếu sanh trong cõi Trời thì cũng không nghĩ đến vật trong loài người,

tại vì sao? Bởi vì trên cõi Trời thành tựu quả báo thù thắng tuyệt với. Nếu vào địa ngục nhận chịu những nỗi khổ não, thì không rồi để suy nghĩ, vì vậy không thể được. Trong loài người và súc sanh cũng lại như vậy. Nếu nói là nạ quý thì vì sao một mình đạt được như vậy? Bởi vì loài ấy vốn có tham ái bủn xỉn cho nên đọa vào nạ quý. Đã làm nạ quý thì thường hối hận về sai lầm của mình, suy nghĩ muốn đạt được, vì vậy cho nên đạt được. Nếu như việc đã làm, sanh vào trong đường khác, quyền thuộc còn lại đọa vào nạ quý, thấy đều đạt được. Vì vậy người trí, nên vì nạ quý khuyến khích làm phước đức.

Nếu có thờ cúng thì ai là người nhận? Tùy theo nơi thờ cúng ấy để mà thọ nhận vậy. Nếu gần rừng cây thì thần cây thọ nhận, nhà cửa sông suối giếng hồ rừng núi gò đồi cũng lại như vậy, người này cúng tế rồi cũng được phước đức, tại vì sao? Bởi vì khiến cho người thọ nhận ấy sinh tâm hoan hỷ, thì phước đức cùng tế có thể bảo vệ thân mạng tài sản. Nếu nói giết hại chúng sanh để thờ cúng được phước, thì nghĩa lý này không đúng, tại vì sao? Bởi vì không hề thấy người thế gian gieo hạt Y Lan mà mọc thành cây Chiên Đàn; đoạn mạng sống chúng sanh mà được phước đức, thì điều này thật vô lý. Nếu như muốn cúng tế, thì nên dùng hương hoa bơ sữa quả trái; làm phước giúp cho vong linh thì có ba mùa, mùa Xuân tháng Giêng, mùa Hạ tháng năm, mùa Thu tháng chín.

Nếu dùng nhà cửa-đồ nằm-thuốc nem-vườn rừng-hồ giếng-voi ngựa trâu dê và các loại tiền của sinh sống, bố thí cho người ta, bố thí rồi mạng chung phước đức người này tùy theo vật đã bố thí, bất Luận sử dụng lâu mau, mà phước đức thường sanh ra, phước này đi theo người như bóng theo hình. Hoặc có người nói rằng: Chết rồi thì mất. Nghĩa này không đúng, tại vì sao? Bởi vì vật hư hoại không sử dụng mất đi giữa hai khoảng thời gian, chứ không phải là mạng sống kết thúc thì mất hết. Nếu người xuất gia bắt chước người tại gia, ngày lễ tết bỏ ăn uống thì thuận theo pháp thế gian vốn không phải là chân thật, cũng tin tưởng theo pháp thế gian và pháp xuất thế gian. Nếu có thể tùy theo gia cảnh vốn có tốt xấu, thường vui thích bố thí, thì gọi là bố thí tất cả. Nếu dùng thân phận mình cho đến vợ con, là những thứ rất được coi trọng mà bố thí cho người, thì đây gọi là bố thí không nghĩ bàn được”.

Lại trong kinh Chánh Pháp Niệm nói: “Nếu vì người đã khuất mà tu hành bố thí, thì người sanh trong đường quý có lẽ nhận được phước thiện, bởi vì quý biết hối hận về tính tham lam bủn xỉn của thân đời trước, cho nên vì họ mà bố thí, lúc ấy họ sẽ hoan hỷ. Nếu sanh trong

đường khác thì phần nhiều không có hiệu quả, như được sanh lên cõi Trời chỉ thọ nhận quả báo vui sướng, không hối hận về nhân vốn có và không có tâm niệm nghĩ về phước thiện. Vì vậy kinh nói: Nếu sanh trong cõi Trời thì cũng không nghĩ đến vật trong loài người, tại vì sao? Bởi vì trên cõi Trời thành tựu quả báo thù thắng tuyệt vời. Nếu vào địa ngục nhận chịu những nỗi khổ não, thì không rồi để suy nghĩ. Súc sanh cũng như vậy”.

Do đó trong Bà Sa Luận nói: “Vì nga quý mà làm phước, quý được ăn uống cũng tăng thêm ích lợi cho thân, hôi hám thì được mùi thơm, sắc thân xấu xí được sắc thân tốt đẹp. Lại trong kinh nói: “Như các loài quý, sự ăn uống của chúng không giống nhau, hoặc là máu mủ hoặc là phần giải, được bố thí như vậy rồi tất cả biến thành màu sắc mùi vị rất tuyệt vời”. Nếu quý thọ sanh vào nơi khác, lúc thân thích làm việc bố thí, thì nghiệp lực của quý ấy, từ xa biết mà sinh tâm vui mừng. Nếu vẫn ở tại nhà nhận chịu quả báo khổ đau, thì người thân làm việc bố thí, quý tự mình thấy mà sinh tâm vui mừng”.

Lại trong Bà Sa Luận nói: “Có người cầu mong tài vật không như pháp và khi đạt được nó, bởi vì tiếc nuối keo kiệt, đối với quyết thuộc của mình hãy còn không có lòng dạ giúp cho, hướng hồ những người khác. Bởi vì không có tâm bố thí, thân hoại mạng chung đọa vào trong nga quý, nếu ở bên nhà của mình thì trú trong nhà xí hầm phân bất tịnh, những người bà con thân thuộc sinh tâm xót xa buồn khổ, dấy lên ý niệm như vậy: Người ấy tích tụ tiền bạc của cải tự mình không hưởng thụ, cũng không bố thí cho người. Bởi vì xót xa buồn khổ cho nên muốn bố thí ăn uống cho họ, mời các bà con họ hàng bạn bè quan biết, Sa môn và Bà-la-môn bố thí ăn uống thay họ. Lúc bấy giờ nga quý tự mình trông thấy điều đó, đối với quyến thuộc và tiền bạc của cải sinh ra ý tưởng đã có, dấy lên nghĩ như vậy: Tiền bạc của cải như vậy mình đã tích tụ được, nay bố thí cho người. Trong tâm vô cùng hoan hỷ, đối với phước điền đã sinh tâm tín kính. Nếu sanh trong đường khác thì phần nhiều có công hiệu, dù cho người chết cũng không được phước này. Vì vậy tu thiện tự mình đạt được lợi ích to lớn, giống như dấy khởi tâm Từ tự mình thường được phước thiện”.

Lại trong Trí Độ Luận nói: “Như tâm Từ nghĩ đến các chúng sanh làm cho được vui sướng, chúng sanh tuy không có gì đạt được mà người nghĩ có được nhiều phước thiện ấy. Nếu không vui thích bố thí, cho dù sanh cõi Trời đạt quả Thánh mà vẫn thiếu thốn về cơm ăn áo mặc. Cho nên kinh Ưu Bà Tắc Giới nói: “Trì giới tuy đắc quả La hán mà không

ngăn được đói khổ, sanh cõi Trời không có được anh lạc và ăn uống thượng diệu”. Nếu vui thích thực hành bố thí, tuy đọa vào loài quỷ – súc sanh mà thường no đủ không thiếu”.

Lại trong kinh Vị Tăng Hữu nói: “Có vị vua thưa với Đức Phật rằng: Tiên Vương cha con tôn thờ ngoại đạo, thường thực hành bố thí mong cầu phước báo Phạm Thiên, như công đức ấy sanh đến cõi Trời nào vậy? Đức Phật bảo với nhà vua rằng: Quả báo của vua trước đây nay ở địa ngục. Vì sao như thế? Bởi vì không gặp thời cơ tốt lành, không gặp bạn bè tốt lành, không có phương tiện tốt lành, tuy tu công đức mà không thể nào tránh được tội lỗi, công lao của bố thí không quên mất, về sau tội lỗi kết thúc thì mới được thọ nhận phước báo. Nên biết rằng tu phước không hợp lại với tội lỗi. Tiên Đế của Đại vương có năm loại ác nghiệp sanh trong địa ngục: Một là ngạo mạn đố kỵ sai lầm, việc làm không có khéo hay vụng, liền dấy lên trừng phạt nghiêm khắc không thể nhẫn nhục; hai là tham lam thọ nhận ngọc ngà châu báu, quyết định sự việc không công bằng, khiến cho thiên hạ ôm lòng oán hận; ba là thường xuyên vui chơi săn bắn, làm cho nhân dân khốn khổ vô cùng, làm hại chúng sanh mà coi trọng mạng mình; bốn là đam mê nữ sắc, có mới bỏ cũ, đối xử không công bằng gây nên oán hận; năm là phá giới”.

Lấy văn này chứng minh cho nên biết tôn thờ tà đạo mà tu phước, thiện ác luôn luôn khác nhau, hai báo ứng khổ vui không lẫn lộn với nhau, hưởng gì lợi căn đa văn, chánh trí Tam bảo mà lại dẫn đến khổ báo hay sao?

Lại trong kinh Duy Vô Tam Muội nói: “Đức Phật bảo với A-nan: Nay người thiện nam, người cầu đạo an thiện trước tiên nên đoạn dứt ý niệm xấu xa, một niệm khởi lên một niệm diệt đi, một ngày một đêm có tám ức bốn ngàn vạn niệm, niệm niệm không ngừng nghỉ, một niệm thiện ấy cũng được quả báo thiện, một niệm ác ấy cũng gặp quả báo ác, như âm vang thuận theo tiếng động, như bóng theo hình. Vì vậy cho nên thiện ác tội phước đều khác biệt”.

Lại trong kinh Trung A-hàm nói: “Nếu vì người chết mà bố thí tế tự, thì giống như sanh vào trong ngạ quỷ mà được cơm ăn. Ngoài ra những đường khác không có được, bởi vì đều có mạng sống mà nuôi ăn. Nếu không sanh vào trong thân tộc, nhưng bố thí thì tự nhiên có được phước ấy, thậm chí thì chủ sanh trong sáu đường, thì phước bố thí thường đi theo. Bởi vì trì giới, tuy được thân người mà nhất định phải có phước còn lại giúp cho báo ứng”.

Trong kinh Vãng Sanh nói: “Làm phước sau khi đã chết, thì bầy phần người chết được một, còn lại thì thuộc về người đang thực hiện”.

Lại trong kinh Quán Đảnh nói: “A-nan thưa hỏi Đức Phật rằng: Nếu người mạng chung đưa đến đặt trong núi đồi hoang vắng xây đắp tháp mộ, thì tinh thần linh hồn của người này ở trong đó hay không? Đức Phật bảo rằng: Cũng còn cũng không còn. Nếu lúc người còn sống không gieo trồng thiện căn, không biết đến Tam bảo, mà không làm ác, không có thiện để hưởng phước, không có ác để chịu tội lỗi, không có thiện thì thức, tu phước giúp cho họ, vì vậy tinh thần linh hồn ở trong tháp mộ không có nơi đến, cho nên nói là còn. Hoặc trước đó lúc sống ở đời, tu nhiều phước thiện tinh cần hành đạo, có lẽ sanh lên cõi Trời đến Trời thứ ba mươi ba, ở trong đó thụ hưởng phước báo. Hoặc sanh vào nhà thuộc dòng họ cao quý ở nhân gian, đến nơi tự nhiên tùy ý mà sanh ra. Còn người không ở trong tháp mộ ấy, hoặc trước đó lúc sống ở đời, giết hại sinh vật mà cầu khẩn mong mỏi chứ không tin điều chân chánh, tự sống bằng tà mạng nịnh nọt giả dối lừa gạt người ta, đọa vào trong ngục súc sanh, nhận chịu tất cả mọi nỗi khổ đau, trải qua nhiều địa ngục, cho nên nói là không ở trong tháp mộ. Hoặc là không ở trong ấy, có lẽ lúc xương cốt ngũ cốt này chưa hư hoại, cho nên có chút linh thiêng; nếu xương cốt hủy hoại thì linh hồn thiêng liêng này lập tức không còn, không có khí thể, cũng không có năng lực gây ra các điều họa phước cho người. Lúc linh hồn chưa mất đi, hoặc là bà con, hoặc là người mạng chung ở đời không có phước, nhưng làm điều tà vạy gian trá nên đọa vào quỷ thần, hoặc làm yêu tinh của cây cối tạp vật, không có phước Trời đáng thọ nhận, địa ngục không thâm nhiếp; cho dù xả bỏ thế gian mà đi lại lang thang nơi thôn xóm của người, đã không có ăn, lại sợ đụng chạm đến người ta, gây ra những sự biến đổi kỳ quái làm kích động lòng người; hoặc có yêu mị tà sư để dựa vào làm phước, tìm kiếm những phước thiện giúp đỡ, muốn được sống mãi. Ngu si tà kiến giết hại sinh vật để cúng tế, chết đi vào địa ngục ngục súc sanh, không có thời hạn thoát ra, có thể không cần thận hay sao?

Vả lại, nếu như người vào ngày sắp chết, nên vì họ thấp hương đốt đèn soi sáng liên tục, ở trong chùa tháp trên cột cao, treo cờ phướn chuyển mạng, đọc tụng kinh điển, suốt hai mươi một ngày. Vì sao như vậy? Bởi vì người mạng chung đang trong thời kỳ Trung ấm, thân giống như trẻ thơ tội phước chưa phân định, nên tu phước cho họ, nguyện người mất giữ gìn tinh thần để sanh, đến vô lượng quốc độ khắp mười phương. Nhờ công đức này chắc chắn được sanh đến. Người chết ở đời,

nếu có tội lỗi phải rơi vào tám vạn khổ, nhờ công đức của cờ phướn đèn sáng chắc chắn được giải thoát. Nếu có thiện nguyện, thuận theo sanh đến cha mẹ ở phương khác nhưng không thể nào nhanh chóng sanh đến, nhờ công đức của cờ phướn đèn sáng đều được nhanh chóng sanh đến, không có gì làm trở ngại. Nếu được sanh rồi thì sẽ làm con phước đức cho người, không bị tà ma quỷ quái nhân cơ hội mà lợi dụng, trở thành chủng tộc cường hào. Vì vậy nên tu phước thiện công đức của cờ phướn đèn sáng. Còn như bốn thứ hệ nam nữ, nếu vào lúc sắp mạng chung, hoặc đã lia trần, ngày mất của họ nên làm cờ phướn màu vàng treo trên cột, khiến có được phước đức xa lìa tám vạn khổ, được sanh đến Tịnh Độ của chư Phật trong mười phương. Cúng dường cờ phướn lọng tàn, tùy theo nguyện cầu trong tâm, cho đến thành tựu bồ đề. Cờ phướn theo gió xoay chuyển, rách nát cũng không còn, cho đến trở thành bụi nhỏ, gió thổi bụi nhỏ, phước ấy trở thành vô lượng. Lúc cờ phướn chuyển một lần, trở thành địa vị Chuyển Luân Vương, cho đến trở thành bụi nhỏ là địa vị của Tiểu Vương, phước báo ấy là vô lượng. Bốn mươi chín ngọn đèn soi chiếu các cõi u minh, chúng sanh đau khổ được nhờ ánh sáng này, đều có thể trông thấy nhau. Nhờ phước đức này, trừ mọi đau khổ cho chúng sanh kia, đều được an lành”.

Lại trong kinh Tịnh Độ Tam Muội nói: “Tám ngày Vương thì các Thiên Đế Thích, bề tôi trấn giữ ba mươi hai người, Tứ trấn Đại vương tư mạng tứ lục, Ngũ la Đại vương và sử giả Bát Vương, đều tiến hành đi ra khắp bốn phía; lại gặp bốn Thiên Vương của ngày mười lăm và ngày ba mươi đã tâu bày, tra cứu lựa chọn nhân dân lập hạnh thiện ác; vua địa ngục cũng sai Phụ thần Tiểu Vương, đồng thời cùng đưa ra, có tội thì ghi lại. Tám ngày Vương trai tịnh về trước phạm vào sai lầm, phước nhiều có cứu giúp, an ổn không có gì khác thì dùng phước mà tha thứ, đến sau ngày trai lại phạm vào nhiều tội, nhiều tội thì giảm tuổi thọ, tên gọi rõ ràng hạn định chờ chết. Năm tháng ngày giờ đưa vào địa ngục, địa ngục nhận được văn thư, lập tức sai ngục quỷ mang danh sách ghi chép họ tên. Ngục quỷ không có lòng Từ tuy ngày chết chưa đến, mà cưỡng bức làm ác khiến cho mạng sống mau hết. Phước nhiều thì tăng thêm tuổi thọ, Trời sai thiện thần tìm cách bảo vệ người đó, chuyển xuống địa ngục trừ bỏ tội danh, loại trừ cái chết nhất định được sống, sau được sanh lên cõi Trời”. Lại trong kinh Quán Phật Tam Muội nói: “Lúc bấy giờ quỷ thần Khoáng Dã thưa với Đức Phật rằng: Con luôn luôn ăn thịt người, nay lại không giết hại thì nên ăn vật gì? Đức Phật dạy quỷ vương: Ông chỉ cần không giết hại, Ta bảo đệ tử thường giúp thức ăn cho ông,

cho đến khi giáo pháp diệt hết, nhờ uy lực của Ta khiến cho ông được no đủ. Quỷ vương nghe dạy hoan hỷ thọ trì năm giới của Phật”.

Kinh Niết-bàn nói: “Chế định các đệ tử Thanh Văn, trích thức ăn của chúng sanh cứu giúp quỷ thần Khoáng dã”.

Còn Trí Độ Luận nói: “Quỷ thần bắt được ít người nên ăn uống không đủ, liền có thể biến hóa khiến cho nhiều hơn để được no đủ”.

Lại trong kinh Thí Dụ nói: “Đức Phật cùng với A-nan, đi đến bên bờ sông thấy năm trăm ngạ quỷ ca hát vui vẻ mà đi, lại thấy mấy trăm người tốt khóc nỉ non mà đi qua. A-nan thưa hỏi Đức Phật: Quỷ vì sao múa hát, người vì sao khóc lóc? Đức Phật trả lời A-nan: Con cái thân thuộc trong gia đình ngạ quỷ làm phước cho họ khiến được giải thoát, vì vậy mà ca múa vui vẻ; con cái thân thuộc trong nhà người tốt, chỉ làm điều sát hại chứ không có ai làm phước đức giúp họ, sau bị lửa lớn bức bách, vì vậy mà khóc nỉ non”.

Lại trong Kinh Túc Nguyện Quả báo nói: “Xưa có hai vợ chồng người Bà-la-môn, không có con cái, tiền của nhiều vô số. Lúc tuổi thọ sắp hết tự nói với nhau rằng: Mỗi người nên nuốt tiền để làm lương thực giúp cho mình. Luật pháp thông thường của nước ấy thì người chết không chôn, chỉ đem đặt dưới gốc cây. Hai vợ chồng ấy đều nuốt năm mươi đồng tiền vàng, thân hình nát rữa thì tiền vàng lộ ra. Trong nước ấy có một người hiền đức, đi ngang qua thấy mà thương xót, tự nhiên chảy nước mắt đau lòng cho sự tham tiếc của họ, lấy làm phước giúp họ, thỉnh Phật và Tăng dốc lòng lo chuyện cúng dường, dâng cơm lên trước Phật xưng tên chú nguyện. Lúc ấy vợ chồng keo kiệt đang nhận chịu khổ đau trong chốn ngạ quỷ, liền được sanh lên cõi Trời. Bởi vì thỉnh cầu 4 chúng đệ tử, lúc ấy người được sanh cõi Trời, liền có được Thiên nhân biết người làm phước giúp mình, liền từ cõi Trời đi xuống chỉ làm người nhỏ tuổi phụ giúp công việc cho đàn việt. Đức Phật dạy: Người nhỏ tuổi trong bếp này là đàn việt thực sự, Phật thuyết pháp cho nghe liền đạt được dấu tích của đạo, người hiền đức cũng đạt được dấu tích của đạo, chúng Tăng hoan hỷ đều được sanh lên cõi Trời”.

Lại trong Kinh Bách Dụ nói: “Xưa có khách buôn muốn đi vào biển lớn, cần phải có người hướng dẫn, liền cùng nhau tìm kiếm gặp một người hướng dẫn, cùng nhau lên đường đi đến giữa cánh đồng bát ngát, có một ngôi đền thờ Trời, trước mắt cần phải cúng tế một người, sau đó mới được đi qua. Thế là những người buôn cùng nghe suy tính rằng: Chúng ta đều là thân thiết làm sao có thể giết hai, chỉ riêng người hướng dẫn này là thích hợp dùng để tế Trời. Liền giết người hướng dẫn,

để sử dụng cho việc cúng tế, tế Trời xong rồi, lạc mất đường đi, không biết nơi hướng đến, cùng khốn nên chết hết. Tất cả người thế gian cũng lại như vậy, muốn đi vào biển rộng giáo pháp lấy những thứ quý báu, nên tu thiện hạnh để làm người hướng dẫn, mà lại phá hủy thiện hạnh, lạc lối giữa đường sanh tử mịt mù, vĩnh viễn không có hạn kỳ ra khỏi, trải qua ba nẻo khổ đau, nhận chịu tang thương mãi mãi. Như những khách buôn kia muốn vào biển lớn mà lại giết chết người dẫn đường cho mình, lạc mất bến bờ cuối cùng dẫn đến khốn đốn mà chết”.

Tụng rằng:

*Quý thân thật khó lường
Qua lại rất bí mật,
Trao cho gốc phước thiện
Tiến cử để hâm mộ,
Cùng giúp đỡ u đồ
Mong tránh khỏi đói khổ,
Phàm Thành điều thờ cúng
Phước lành không hề sai.*

NHÂN DUYÊN CẢM ỨNG

Sơ lược dẫn ra 13 chuyện: 1. Phía Tây Ích Châu ở Vân Nam có nhiều miếu thần trong hang đá; 2. Bàn Xí thái thú Lư Lăng trước kia thờ thần sâu kiến; 3. Ác Tuyên là vị thần hái thuốc ở Hòa Sơn; 4. Động Tiên của Đại phu Bàn Tổ thời Ân có thần hổ; 5. Trương Tử Văn thời Hán chết làm vị thần dưới Chung Sơn; 6. Thời Hán ở huyện Sính - Cối Kê có người nữ Ngô Vọng Tử cảm thần; 7. Thời Tấn ở huyện Ba Khâu có thầy mo cảm thần; 8. Thời Tấn có Hạ hầu Huyền bị Tư Mã Cảnh Vương giết mà thành thần; 9. Thời Tấn có cư sĩ Trương Ứng sửa chữa miếu thờ thế tục để thờ Phật có thần linh; 10. Thời Tống có trần An Cư bỏ cúng tế thần linh thờ Phật có thần diệu; 11. Thời Tống có Tề tăng Khâm tinh cần phụng thờ Phật có chứng minh; 12. Thời Lương có Sa môn Thích Tăng Dung có người thế tục cho ngôi miếu có chứng minh; 13. Thời Đường có người họ Nghê mua được vợ là Hoàng Phủ Thị chết đột ngột có hiện tượng chứng minh.

1. Vân Nam ở về phía tây của Ích châu có miếu thờ thần, đục vào núi đá làm hang, phía dưới có dân phụng thờ cúng bái, tự xưng là Hoàng Thạch. Người trong nước nói vị thần này là Trương Lương đã tiếp nhận linh hồn của Hoàng Thạch. Thanh tịnh không giết hại nấu nướng, những ai có cầu khẩn điều gì, mang đến một trăm tờ giấy, một đôi bút và một

viện mực, đặt vào trong hang đá mà đến phía trước cầu xin. Trước tiên nghe trong hang đá có tiếng động, lát sau hỏi người đến cầu mong điều gì. Đã bày tỏ rồi thì nói cho biết đầy đủ mọi chuyện lành dữ; không trông thấy hình dáng thần linh, cho đến bây giờ cũng như vậy.

2. Thái thú vùng Thái Nguyên, Lư Lăng trước kia là Bàn Xí, tự là Tử Cập, tự nói tổ tiên lâu xa của mình không biết bao nhiêu đời. Vô cớ bị bắt giam vào ngục mà không biết là tội gì, không chịu nổi tra khảo nên tự mình cúi đầu nhận bừa. Đến khi giam vào trong ngục, có bầy kiến đi lại hai bên thân mình, Tổ bèn nói với sâu kiến rằng: Giả sử các người có thần kỳ có thể cứu cái chết cho ta, không phải là tốt ư? Nhân đó bỏ cơm cho ăn, sâu kiến ăn cơm hết rồi đi. Lát sau lại đến hình thể hơi lớn hơn, ý mỗi khi đến lại khác, thế là lại cho ăn. Như vậy đi lại đến mấy mươi ngày, hình thể lớn như con lợn. Đến cuối cùng báo tin là sẽ hành hình, sâu kiến trong đêm đào chân tường làm thành bố lớn, bèn phá gông cùm theo hố đi ra ngoài. Lâu sau gặp được dịp tha tội mà sống yên ổn, thế là họ Bàn đời đời thường vào bốn ngày lễ cúng tế sâu kiến ở nơi đường cái lớn. Đời sau hơi trễ nãi, không có người tiếp tục chỉ vì cơm nước, bèn bỏ cúng tế mà không phụng thờ chu đáo, chỉ còn lại miếu thờ, cho đến ngày nay hãy còn như vậy.

3. Ác Tuyên là người hái thuốc ở Hòe Sơn. Thích ăn hạt cây thông, hình thể nhỏ bé chỉ cao bảy tấc, hai mắt lại vuông, có thể bay đi nhanh như ngựa chạy. Lấy hạt thông để lại cho Nghiêu, Nghiêu không uống; người lúc ấy được uống, đều sống đến ba trăm năm.

4. Bành Tổ là Đại phu thời nhà Ân. Trải qua triều nhà Hạ mà đến cuối triều nhà Thương tính ra là bảy trăm năm, thường ăn cỏ Chi câu Quế. Lịch Dương có động Tiên Bành Tổ, đời trước nói: Cầu khẩn gió mây không có điều gì không ứng, thường có hai con hoặc ở hai bên miếu thờ. Ngày nay miếu thờ không còn, mà mặt đất vẫn có dấu tích của hai con hổ.

Bốn chuyện trên đây trích từ Sưu Thần Ký.

5. Thời nhà Hán có Trương Tử Văn, là người vùng Quảng Lăng, ham mê tửu sắc ca múa làm vui, thường tự nói rằng tinh cốt chết đi sẽ làm thần. Cuối thời nhà Hán làm quan úy vùng Mạt Lăng đuổi theo giặc đến dưới Chung Sơn, giặc đánh bị thương ở trán, tự cởi dải lụa mà buộc lại, lát sau thì chết. Đến đầu thời Ngô Tiên Sinh, quan lại trước kia trông thấy Tử Văn ở đầu đường, cưỡi ngựa trắng cầm lông chim trắng, người theo hầu như thường ngày. Người trông thấy kinh hãi bỏ chạy, Tử Văn đuổi theo nói rằng: Tôi đang làm thổ thần nơi này, dùng phước

này ban cho dân chúng mà thôi, ông nói cho mọi người biết lập đền thờ cho tôi, không như vậy thì sẽ có tai họa lớn. Năm ấy vào mùa Hạ xảy ra đại dịch, dân chúng thì sợ hãi kinh động, rất nhiều người đã lập miếu thờ lén rồi. Tử Văn lại nói với Tôn Thị: Trong cung nên lập miếu thờ cho tôi, không như vậy thì làm cho sâu bọ bay vào lỗ tai trở thành tai họa. Chốc lát có con trùng nhỏ như con ruồi vàng bay vào tai mà chết, thầy thuốc không thể chữa trị được, mọi người càng sợ hãi, Tôn Chủ vẫn chưa tin. Lại dùng thầy mo chú nguyện, nếu không cúng tế cho tôi, sẽ còn dùng lửa khiến cho trở thành tai họa. Năm ấy hỏa hoạn phát ra khắp nơi, một ngày mấy chục chỗ, lửa lan đến công đường cung điện, huyện chủ lo sợ, bàn bạc cho rằng: Quý có chỗ quay về quả là không làm cho tổn hại, nên có cách gì để ngăn lại? Thế là sai sứ giả, phong cho Tử Văn làm Trung Đô Hầu, lần lượt đệ tử còn lại làm Hiệu Úy Trường Thủy, đều thêm dải lụa đeo ấn để xây dựng miếu đường, đổi hiệu là Chung Sơn, để bày tỏ sự linh thiêng ấy. Nay chính là Tường Sơn phía Đông Bắc vùng Kiến Khang vậy. Từ đó tai họa chấm dứt, mọi người liền thờ cúng khắp nơi.

Câu chuyện trên đây trích từ Sưu Thần Ký.

6. Thời nhà Hán ở vùng Đông Dã huyện Sính - Cối Kê có một người con gái, họ Ngô tên là Vọng Tử, tuổi vừa mười sáu, dung mạo đáng yêu. Ở quê nhà của mình có người cổ vũ giải thích sự việc, mong muốn nhân tiện đến xem. Men theo bờ đê mà đi, giữa đường bỗng thấy một người cao quý, đoan chánh lạ thường; người đang ngồi trên thuyền, có hơn mười người khỏe mạnh đứng hầu đều rất chỉnh đốn, sai người hỏi vọng Tử nay muốn đi về đâu. Vọng Tử đem sự việc trả lời đầy đủ. Người cao quý nói: Nay ta đang đi đến chỗ ấy, tiện thể nên xuống thuyền cùng đi. Vọng Tử từ chối không dám, bỗng nhiên không thấy nữa. Vọng Tử đã đến nơi quỳ lạy trước bàn thờ thần, trông thấy người cao quý trong thuyền trước đây ngồi ngay thẳng trang nghiêm, chính là tượng của Tường Hầu. Hỏi Vọng Tử sao đến muộn, nhân đó ném cho hai trái quýt, nhiều lần hiện ra hình dáng liền làm cho tình cảm tốt đẹp. Trong lòng Vọng Tử có điều mong muốn, thì giữa hư không mà ban cho. Đã từng nghĩ đến ăn cá lúc, một đôi cá chép tươi thuận theo tâm mà đến. Vọng Tử thơm ngát ngửi thấy đến vài dặm, có rất nhiều điều thần nghiệm, cả thôn ấp cùng kính trọng hầu hạ. Trải qua ba năm, Vọng Tử bỗng nhiên sinh con ngoài ý muốn, liền chấm dứt qua lại thăm viếng.

Câu chuyện trên đây trích từ Tục Sưu Thần Ký.

7. Thời nhà Tấn ở huyện Ba Khâu có thầy mo Thư Lễ, vào năm thứ

nhất thời Tấn Vĩnh Xương mắc bệnh mà chết, thần thổ địa đem chuyển đến Thái Sơn. Người thế tục nói rằng thầy mo là người đi đường, đi qua trước cổng nhà phước, thần thổ địa hỏi quan lại đây là nhà của người như thế nào? Quan lại nói rằng: Nhà của Đạo nhân. Thần thổ địa nói: Người này cũng là Đạo nhân. Nhân tiện gửi gắm cho nhau và đưa Thư Lễ vào cổng. Trông thấy mấy ngàn gian nhà ngói, đều treo màn trúc, giường ghế tự nhiên nam nữ khác chỗ, có người tụng kinh, có người ngâm kệ, ăn uống tự nhiên vui sướng không sao nói hết. Văn thư đề tên Thư Lễ đã đến cổng Thái Sơn, nhưng mà thân không thể đến được, tìm thần thổ địa, thần nói rằng: Đường đi thấy mấy ngàn gian nhà ngói, liền hỏi quan lại rằng là Đạo nhân nên đã giao cho họ rồi. Thế là sai thần lấy lại sổ ghi, Thư Lễ xem chưa khắp, thấy có một người tám tay bốn mắt cầm chày vàng đuổi theo muốn đánh, liền kinh hãi chạy ra cổng. Thần đã đón ở cổng, nắm lấy chuyển đến Thái Sơn. Phủ quân Thái Sơn hỏi Thư Lễ: "Khanh ở thế gian đã làm những gì? Thư Lễ nói: Thờ ba vạn sáu ngàn vị thần, giải trừ và thờ cúng giúp người, hoặc giết trâu bò heo dê gà vịt. Phủ quân nói: Tội của ông phải vào vạc nóng. Sai quân lính dắt vào nơi vạc, thấy một vật đầu trâu thân người, cầm chìa sắt xóc Thư Lễ bỏ vào trong vạc, xoay qua xoay lại làm cho thân thể cháy nát, cầu chết không được. Trải qua một đêm hai ngày, Phủ quân hỏi người đứng đầu: Thọ mạng của Thư Lễ phải hết, hãy lập tức làm mất đi mạng sống ấy. Kiểm tra sổ sách ghi chép khác thì coi như còn lại tám năm. Phủ Quân nói: Ghi chép lại. Người đầu trâu lại dùng chìa sắt xóc bỏ vào bên vạc. Phủ quân nói: Nay sai khanh quay về cuối cùng hết số còn lại, đừng tiếp tục giết hại sinh mạng quá nhiều để cúng tế. Thư Lễ bỗng nhiên sống lại từ đó không trở lại làm thầy mo nữa.

Câu chuyện trên đây trích từ U Minh Ký.

8. Thời nhà Tấn có Hạ Hầu Huyền, tự là Thái Sơ, cũng là người có tài có tiếng lúc ấy, bị Tư Mã Cảnh Vương ghen ghét mà giết chết. Họ hàng của Hạ Hầu Huyền tổ chức cúng tế cho Hạ Hầu Huyền, thấy Hạ Hầu Huyền đến linh tòa, cởi đầu đặt sang bên cạnh, lấy tất cả hoa quả cơm nước rượu thịt bỏ vào trong cỗ, xong rồi trở lại tự nhiên, nói rằng: Tôi tố cáo được với Thượng đế rồi. Tư Mã Tử vốn không có con cháu. Không bao lâu Cảnh Vương chết mà không có con, em trai là Văn Vương phong cho con thứ là Tề, kế tiếp Cảnh Vương về sau. Hân chết hãy còn có con tất nhiên là thừa kế lên ngôi vua, lại bị giết. Đến loạn Vĩnh Gia, có thầy mo gặp em trai nói rằng: Gia nghiệp sụp đổ chính là do hai người Tảo Sáng Hạ Hầu Huyền đã tố cáo, oán thù được nói rõ ấy mà.

Châu chuyện này trích từ Oan Hồn Chí.

9. Thời nhà Tấn có Trương Ứng, là người vùng Lịch Dương, vốn thờ thần theo phong tục cổ vũ cúng tế quá nhiều. Năm thứ tám thời Tấn Hàm Hòa di cư đến Vu Hồ, vợ gặp bệnh nên Trương Ứng thỉnh cầu khắp mọi nơi, tài sản cạn kiệt dần. Vợ là đệ tử pháp gia, nói rằng: Nay bệnh ngày càng khốn đốn cầu khẩn quý thần chẳng ích gì, xin hãy làm Phật sự vậy. Trương Ứng đồng ý, đến trong tinh xá gặp Trúc Đàm Khải. Đàm Khải nói: Phật như thuốc chữa lành bệnh, gặp thuốc không uống, tuy thấy mà không ích gì. Trương Ứng hứa là sẽ thờ Phật. Đàm Khải cho kỳ hạn, ngày mai đến thiết trai. Trương Ứng trở về đêm mộng thấy một người cao hơn trượng, từ phía Nam đến đi vào cổng nói: Nhà ông bữa bộn bất tịnh như vậy. Trông thấy Đàm Khải theo sau nói: Muốn phát tâm, không dám trách móc. Trương Ứng trước đó ngủ ngon, tỉnh giấc liền đốt đèn soi sáng, làm chỗ ngồi cao và chỗ ngồi của quỷ tử mẫu. Đàm Khải sáng sớm đi đến, Trương Ứng kể lại đầy đủ giấc mộng và liền thọ năm giới, trừ bỏ hình ảnh thần linh mà sắp xếp nhiều vật cúng dường cầu phước. Bệnh tình của vợ chỉ trong thời gian ngắn đã được trừ khỏi. Năm thứ 2 thời Tấn Hàm Khang, Trương Ứng đến Mã Câu mua muối, trở về ghé Vu Hồ ở lại, mộng thấy 3 người dùng lưới câu thếp câu cá, Trương Ứng nói: Tôi là đệ tử Phật. Ba người kia kéo lại cứ thế không buông, nói rằng: Hạng tôi tứ phản bội đã lâu. Trương Ứng sợ hãi nói rằng: Thả tôi ra tôi sẽ cho các người một thăng rượu. Điều đình rồi bèn thả ra, nói với Trương Ứng là chỉ sợ người sau lại bắt lấy ông mà thôi. Tỉnh giấc bụng đau quần quai, về đến nhà vô cùng mệt mỏi. Trương Ứng và Đàm Khải đã không gặp nhau một thời gian dài vì tật bệnh, sai người gọi đến thì đúng lúc không có nhà, Trương Ứng liền dứt hơi trải qua một ngày mà sống lại, nói có mấy người dùng móc thếp giữ lại, mang đến phía Bắc đi xuống một bờ dốc, dưới bờ dốc thấy có vạc sôi- dao kiếm và dụng cụ ác hiểm rõ ràng, lập tức hiểu rõ là địa ngục, muốn gọi to tên thầy nhưng quên chữ Đàm Khải, chỉ gọi to Hòa thượng cứu con, cũng lúc ấy gọi to chữ Phật, lát sau có một người từ phía tây đi đến, thân hình cao hơn trượng, cầm chày vàng muốn đánh người níu giữ này, nói là đệ tử của Phật, sao dẫn vào trong này? Người níu giữ sợ hãi chạy tán loạn. Người thân cao lớn dẫn Trương Ứng đi, nói cho biết rằng: mạng ông cũng hết, không sống bao lâu nữa đâu, có thể tạm thời trở về nhà tán tụng ba bài kệ và nhớ lấy tên của Hòa thượng, ba ngày sẽ mạng chung liền sanh lên cõi Trời vậy. Trương Ứng đã tỉnh lại thì tiếp tục bình phục như thường, sau đó trì trai tán tụng suốt ba ngày,

sai người ghi lấy tên của Đàm Khải. Đến buổi trưa ăn cơm xong lễ Phật tán tụng, Từ biệt tất cả mọi người, tắm gội thay áo quần, như trong giấc ngủ mà lia trần.

10. Thời nhà Tống có Trần An Cư, người huyện Tương Dương. Người bác ruột có phần tôn thờ thầy mo theo phong tục cổ vũ cúng tế, miếu thờ hình ảnh thần linh đầy đủ trong nhà, cha của An Cư chỉ cung kính tin tưởng giáo pháp của Phật, sớm chiều trai giới cẩn thận. Về sau người bác ruột qua đời mà không có con, cha lấy An Cư để kế thừa vậy. An Cư tuy ngay nơi nhà bác ruột mà thực hành siêng năng cầu mong đúng lý, sự việc cúng tế tùy tiện bỏ hết chứ không tiếp tục tổ chức. Ngay sau đó liền mắc bệnh nặng, mà mở miệng thì làm từ khúc ca ngợi thần linh, mê man hồ đồ lạ lùng. Như vậy suốt năm, mà tâm chấp trước càng kiên cố, thường thề rằng: Nếu chí hướng của tôi không mất thì sẽ làm cho mất đi tính mạng. Nhất định trước hết tự cắt đứt tay chân và thế là cứ thực hiện việc ấy. Mọi người đều can ngăn, An Cư không nghe trái qua hai năm liền. Năm thứ nhất thời Tống Vĩnh Sơ phát bệnh liền tuyệt mạng, nhưng dưới ngực còn giữ lại hơi ấm, người nhà không tắm liệm mà cứ để vậy đến bảy ngày đêm. Người trông coi thi hài, cảm giác phần chân của thi hài như có gió phát ra, làm lay động áo liệm. Ngay sau đó mà tỉnh lại phát ra tiếng động, người nhà ban đầu sợ thi hài đứng dậy nên đều chạy trốn. Lát sau hơi có thể chuyển động, thì cầu xin uống nước, người nhà vui mừng hỏi từ đâu đến. An Cư bèn thuật lại đầy đủ những gì đã thấy qua: Ban đầu có người dường như là sứ giả, cầm dao gọi mấy chục người mang đi, người tùy tùng muốn trói lại, nhưng sứ giả bảo rằng: Người này có phước không đáng bị trói. Đi khoảng chừng ba trăm dặm, đến một phủ thành, lâu đài rất nghiêm túc, sứ giả dẫn đến mấy chỗ giống như những nơi ty cục làm việc, cuối cùng có người trao giấy bút cho An Cư và nói rằng: Hãy viết tên gọi của hai mươi bốn cách chết thông thường. An Cư liền như lời viết ra tên gọi thành mấy tập. Có một người tùy tùng từ bên trong đi ra, cất tiếng gọi lớn rằng: An Cư có thể vào. Đã đi vào liền có lệnh giao cho hai người cai ngục giải quyết, một người nói cho mang gông lớn, một người nói là người này có nhiều phước, chỉ nên mang gông ba thước. Bàn luận phân vân không thể quyết định, bèn cùng xem xét văn thư rất lâu liền cho mang gông ba thước. Lát sau thấy có người cao quý, đi theo hai bên có mấy chục người hình dáng dung mạo đều đẹp đẽ, nói với An Cư rằng: Sao ông có thể đến đây? An Cư kể rõ đầy đủ nguyên do. Người cao quý nói: Bác ruột của ông có tội, chỉ nên theo sổ sách mà trừng trị, nhưng bởi vì trước kia có

gieo trồng chút phước cho nên tạm thời được đi lại mọi nơi, mới dám nói cho ông biết, tất cả và cha của ông thuở nhỏ có làm bạn với nhau, thấy ông giống như bạn cũ của ta nên có thể theo ta cùng đi xem mọi nơi cho biết. Cai ngục không chịu mở gông, nói rằng Phủ Quân không có lệnh, không dám tự ý vi phạm. Người cao quý nói: Chỉ giao cho ta không để cho chạy trốn được đâu. Thế là cởi gông cho đi. Người cao quý dẫn An Cư đến khắp các địa ngục, thấy đủ loại khổ đau, đại khái là phù hợp cùng với kinh văn đã nói. Đi qua chưa hết các nơi, có lệnh truyền đến rằng: Phủ quân gọi An Cư. An Cư sợ hãi không biết chuyện gì nên cầu cứu với người cao quý. Người cao quý nói: Ông tự mình không có tội, chỉ đem sự thật trả lời nhất định không lo lắng gì. An Cư đến công đường, thấy có mấy trăm người bị còng chặt cùng lúc đều tiến vào, An Cư đứng thứ ba. Đã đến dưới thêm, một người mặc áo đội mũ đứng ở trước tù nhân, đọc sổ ghi những tội tội lỗi. Đọc tội lỗi của người thứ nhất rằng: Xưa mới lấy vợ, vợ chồng thề với nhau, có con hay không có con suốt đời không bỏ nhau, nhưng mà người ấy vốn là Tể Tửu, vợ cũng phụng đạo, cùng cảm hóa dẫn dắt đồ chúng có được đệ tử nam nữ, vì vậy gian dâm, liền bỏ vợ của mình, vợ thường oán hận mà tố cáo. Phủ quân nói rằng: Vợ chồng người làm trái lời thề, đại nghĩa không tội lỗi, cả hai cuối cùng tội lỗi như nhau, nghĩa thầy dạy đặt vào thứ ba, mà gian dâm với nhau, thì cha con dâm với không thể khác được, giao cho bộ phận hành pháp nói rõ hình phạt. Tiếp theo đọc bản của người phụ nữ thứ hai, quên tên họ của người ấy, rằng nhà ở làng Hoàng Thủy, huyện Quán Quân, Nam Dương, nhà đặt đồ dùng đun nấu ở cửa đi vào nhà bếp, mà người phụ nữ này ngủ say, trẻ con ở trước nhà bếp bò trên mặt đất mà di chuyển, phân tiểu vấy bẩn trong đồ dùng đun nấu, người phụ nữ này đã tỉnh ngủ, liền cầu khẩn nhận lỗi với thần linh, chịu rửa rất kỹ càng, mà bà mợ chửi mắng người phụ nữ này rằng: Không có đạo Trời quỷ thần gì hết. Đặt người phụ nữ này nhất định làm điều ô uế. Tu mạng nghe hết cho nên ghi chép mà chuyển đến. Phủ quân nói: Ngủ quên đồ dùng đun nấu không phải là lỗi lầm, trẻ con không biết gì, lại đã cầu khẩn nhận lỗi với thần linh, thì không có tội. Bà mợ chửi mắng nói là không có đạo lý, báng bổ u linh, đáng ghi chép mang đến đây. Chốc lát liền dẫn đến. Vị quan cầm đến An Cư, người dưới thêm đọc đầy đủ tên gọi văn bản, bị bác ruột tố cáo v.v... Phủ Quân nói: Người này thờ Phật, là người nhiều phước đức. Bác ruột người ấy giết hại loài vật vô tội nói xấu lừa dối trăm họ, tội đáng trừng trị đến cùng, bởi vì xưa có chút phước, cho nên chưa biết tội lỗi mà thôi, nay lại phỉ báng tố cáo

người vô tội nên truyền lệnh mau chóng đem đến đây. Chưa đến kịp mà Phủ quân cho phép An Cư trở về, nói rằng: Nếu được trở về thì hãy cố gắng làm thành sự nghiệp tốt đẹp, được thọ chín mươi ba tuổi, cố gắng nhiều hơn, đừng đến đây nữa. An Cư ra đến cổng, ty cục nói rằng: Ông được xóa tên khỏi sổ chết. Thế là An Cư theo thứ tự rút tên ra. Đã xong rồi mà lại muốn hưởng về thăm chỗ của người cao quý. Người cao quý cũng đến nói rằng: Biết ông không việc gì, được trở về rất tốt, cố gắng tu tạo công đức, thân tôi ít phước không được sanh lên cõi Trời thọ nhận báo ứng, ở nơi này phụ giúp Phủ quân cũng nhàn rồi, có nhiều niềm vui tốt đẹp của chốn thần linh, nhà tôi ở tại Uyển Lăng, họ ấy tên ấy, ông trở về thăm hỏi giúp tôi, dốc lòng thờ kính giáo pháp, đừng phạm vào giới cấm của Phật, nên đem tất cả những gì trông thấy mà chỉ cho mọi người biết vậy. Thế là phái 3 người khỏe mạnh đưa tiễn An Cư. Ra khỏi cổng mấy bước, có người truyền lệnh đưa tặng phù hiệu cho An Cư, nói rằng: Ông có thể giữ phù hiệu này đi qua lính tuần tra mà đưa họ xem, đừng để trộm mất, để trộm mất thì có kẻ bị giáng chức đấy. Nếu có sông nước ngăn ngại thì hãy lấy phù hiệu này bỏ vào trong nước, lập tức đi qua được. An Cư nhận phù hiệu mà trở về. Đi một lúc lâu gặp sông lớn trở ngại không thể nào vượt qua. An Cư theo lời dặn bỏ phù hiệu trong nước, lỡ mờ như bị lóa mắt, thế là đến giữa vùng đất phía trước nhà mình. Đúng là nghe trong nhà đang khóc lóc đau thương quá sức, ba người đưa tiễn khuyên trở lại nơi thân thể. Thân của An Cư đã hối thối, tôi không thể nào trở về lại được. Những người này bèn bắt ép đẩy vào, ngã ở trước chân thi hài. An Cư đã trở lại bình thường nên muốn nghiệm xét người phụ nữ ở làng Hoàng Thủy, vì vậy đi đến huyện Quán Quân tìm hỏi, quả nhiên có người phụ nữ này, gặp nhau y hệt như có quen biết nhau từ trước, nói rằng đã chết được sống lại, bà mẹ ngay ngày hôm đó mà qua đời, nói những điều thấy nghe cùng với An Cư hoàn toàn giống nhau. Thầy trao cho năm giới, tên là Tăng Mân, người vùng Tương Dương, cuối đời ở Trường Sa, vốn là người cùng làng với An Cư, nghe chính miệng người ấy nói. Cuối cùng An Cư cũng tự mình nhìn thấy, quả nhiên thọ chín mươi ba tuổi vậy.

11. Thời nhà Tống có Tề tăng Khâm, người vùng Giang Lăng, gia đình tôn thờ giáo pháp vào năm hơn mười tuổi, Thiện Tướng xem bói nói: Tuổi không vượt qua mười tám. cha mẹ anh em rất là lo sợ, Tăng Khâm cũng thêm chỉ tôn trọng trai giới rất kiên trì. Đến năm mười bảy tuổi cuối thời Tống Cảnh Bình mắc bệnh nặng nguy hiểm, trong nhà thiết trai cầu khẩn càng thiết tha, cũng cúng tế nhiều nơi để cầu phước,

bệnh tình cuối cùng không khỏi. Lúc ấy có một bà mo nói rằng: Chàng trai này phước lực rất mạnh mẽ, ma quỷ cũng không dám gần gũi, tư nhiên có thiện thần che chở, nhưng mà bệnh tình lâu ngày không khỏi, vận mạng hoặc sắp có giới hạn, thế gian có thuật thăm dò số mạng, việc nhỏ thì thiên thần có thể biết rõ số ấy, nên để thử làm theo giúp cho cậu. Ở giữa đồng vắng bày rượu thịt cúng bái, thắp hương đốt đèn cầu nguyện, có lúc giống như ngủ say, chốc lát lại tỉnh dậy, trong đêm một vài lần như vậy. Trải qua bảy ngày bảy đêm nói rằng: bắt đầu có cảm giác trông thấy, thấy các thiện thần, mới cầu khẩn cho chàng trai này thêm được hai Toán rồi, bệnh chắc chắn được lành, không có gì lo lắng. Ngay sau đó Tăng Khâm liền khỏi bệnh, càng thêm chí thành tinh chuyên. Sau đó vào năm hai mươi bốn tuổi mà qua đời, như bà mo đã nói, thì một Toán là mười hai năm rồi, hai Toán là hai mươi bốn năm vậy.

Ba chuyện trên đây trích từ Minh Tường Ký.

12. Thời nhà Lương có Sa môn Thích Tăng Dung ở chùa Đông Lâm vùng Lư Sơn - Cửu Giang, dốc chí rộng lớn đi khắp nơi giáo hóa làm nhiệm vụ của mình. Đã từng ở Giang Lăng khuyến khích một gia đình thọ giới, nên đem tất cả để bố thí, Tăng Dung liền lấy hết chuyển đến chùa, nhân đó giữ lại làm phước. Đến bảy ngày sau, mẹ của người chủ thấy một con quỷ cầm dây đỏ muốn trói lại, bà mẹ rất hoảng sợ, bèn tiếp tục thỉnh Tăng đọc kinh hành đạo, quỷ quái liền chấm dứt. Buổi tối Tăng Dung trở về Lư Sơn một mình ở lại quán trọ, lúc ấy Trời tuôn mưa tuyết, nửa đêm mới ngủ thấy có lính quỷ, loại ấy rất đông, trong đó có tướng quỷ. Mang giáp kẹp dao, thân hình to lớn khác thường, có người mang giường ghé theo, thế là ngồi phía trước đối diện Tăng Dung, liền nghiêm sắc mặt lớn tiếng nói rằng: Sao ông nói rằng quỷ thần là không linh hiển vậy? Lập tức kéo xuống đất! Các quỷ sắp muốn ra tay, Tăng Dung lặng lẽ niệm Quán Âm, tiếng xưng niệm chưa dứt thì thấy sau giường của mình có một Thiên tướng, cao khoảng hơn trượng, mặc quần da viền vàng, tay cầm vật như chày kim cương, quỷ kinh hãi chạy tán loạn, tất cả giáp trụ bị vỡ nát thành bụi phấn. Tăng Dung đã từng ở Giang Lăng khuyến khích hai vợ chồng, cùng thì trì năm giới. Sau đó bị giặc cướp bắt giữ, chống liền chạy trốn, bắt vợ giam vào ngục, gặp Tăng Dung đi trên đường, đau xót cầu xin cứu giúp. Tăng Dung nói: Chỉ chí tâm niệm Quán Thế Âm, lại không có gì tin hơn. Người vợ sau khi vào ngục thì xưng niệm không nghỉ, nhân đó mộng thấy Sa môn đứng ở phía trước mình đá chân khiến đi. Bỗng nhiên cảm thấy thân hình luôn

qua ba cây gỗ tự nhiên thoát ra, thấy cửa hũy còn đóng, lính canh cửa giữ chặt nhiều lớp, suy tính không có cánh nào ra được, trở lại tiếp tục ngủ thì mộng thấy vị Tăng trước kia nói rằng: Sao không sớm ra ngoài, cửa tự mở rồi. Đã nghe liền vùng dậy, những lớp cửa mở ra thông suốt, liền vượt qua mà đi về phía Đông Nam mấy dặm sắp gặp được thôn xóm dân cư. Trời đêm tối mịt, người chồng trước đã bỏ chạy thì đêm đi ngày ẩn trốn, cả hai bất ngờ gặp nhau đều rất kinh hãi, trong cổ rậm hỏi kỹ thì chính là chồng mình, liền cùng nhau tìm đến bàn bạc, tránh xa mà được thoát nạn.

Câu chuyện trên đây trích từ Lương Cao Tăng Truyện.

13. Thời nhà Đường ở Khúc Phụ-Duyễn châu có người họ Nghe mua được vợ là Hoàng Phủ Thị, vì phát sinh bệnh tật nên cầu khẩn ở Thái Sơn, được khỏi bệnh phần nào. Bởi vì gặp phải quân binh chốn âm phủ làm cho tính mạng bị rình rập, cứ mỗi khi gặp phải âm binh thì chết, trải qua một hai ngày, cúng bái xong xuôi sau đó trở lại như cũ. Trước sau đã bắt lấy người cũng nhiều rồi. Tự nói rằng: Đã từng bị sai đi bắt nhiều người ở thôn quê và dẫn đầu đội quân tiểu nữ, vì trước sân nhà ấy có trai đàn tụng kinh, lâu nên không thể tiến vào được, chốc lát tiếng tụng kinh hơi bít lại, đồng thời nhân tiện người cầm đuốc đi đến chỗ người nữ bị bệnh, bèn đi theo mà vào, mới bắt đem đi được. Hỏi lý do bắt đi, thì chính là con trai thứ tư của Phủ quân đã ra lệnh, Phủ quân không hay biết. Luận thuyết về địa ngục có đủ hệ thống rất mạch lạc. Lại nói: Trong lòng đất nói ra thì người lạ không phải chỉ có một vài người, mà chỉ là người có phước bảo nhỏ nhoi, truy tìm không thể nào có được. Nếu như có tội tiếp nhận thì dễ. Hoàng Phủ thấy bị sai sử, cho đến bây giờ hũy còn tồn tại. Nay đàn ông làm người rình rập tính mạng người sống, thì ở Duyễn châu thấy có ba - bốn người, nhưng không biết họ tên của họ mà thôi.

Chuyện trên đây trích từ Minh Báo Thập Di Ký.

Thiên thứ 70: CHIÊM TUỞNG

Thiên này có 2 phần: Thuật ý, dẫn chứng.

Thứ nhất- PHẦN THUẬT Ý

Đại giáo không riêng tư, chí đức cùng cảm ứng, phạm tình vì ngăn cách, tạo hóa khác hình hài, tâm cảnh dựa theo nhau, báo khổ vui sai biệt; như ấn bằng sáp in vào bùn, ấn thành thì hoa văn hiện rõ, tướng trạng đó có thể xem thấy. Khiến cho ở người và vật dùng âm thanh để phân biệt, ở Hồ và Hán lấy dung mạo mà đoán định, sang hèn có tối tăm và sáng sủa khác nhau, Thánh phạm có trong sáng và vẫn đục sai biệt vậy.

Thứ hai- PHẦN DẪN CHỨNG

Như trong kinh Chánh Kiến nói: “Lúc ấy trong hội chúng của Phật có một Tỳ kheo, tên gọi là Chánh Kiến, mới mặc pháp phục vào mà có ý nghĩ thắc mắc rằng: Đức Phật nói có sinh ra đời sau cho đến khi con người chết đi, đều không có báo cho nhau biết, vì sao biết được vậy? Câu hỏi này chưa phát ra, Đức Phật đã đoán biết trước rồi. Đức Phật bảo với các đệ tử: Ví như trồng cây ban đầu dùng một hạt giống gieo xuống nhờ bốn đại chủng nuôi dưỡng tự nhiên làm cho to lớn, mầm lá cành nhánh lần lượt thay đổi, liền trở thành cây lớn, cây lại sinh ra quả, quả lại trở thành cây, năm tháng tăng thêm vô số như vậy. Đức Phật bảo với các đệ tử: Muốn gấp rút quy tụ hoa quả cành nhánh tiếp tục trở lại làm hạt giống, có thể được hay không? Các đệ tử thưa: Không thể được, bởi vì hạt giống đã chuyển đổi, ngày ngày đã mục nát hư hoại, hạt giống tiếp tục sanh ra, sanh ra và diệt đi vô cùng tận như vậy, cuối cùng đều trở về hư hoại, không thể nào tiếp tục trở về khiến cho thành hạt giống ban đầu vậy. Đức Phật bảo với các đệ tử: Sanh tử cũng như vậy, ban đầu do ngu si mà có, lần lượt hợp lại thành mười hai nhân duyên, thần thức chuyển đổi tùy theo hành nghiệp mà hưởng tới, lại có cha mẹ lại tiếp nhận hình hài thân thể, không thể nhận biết cho nên không trở lại báo cho biết được. Ví như người luyện kim loại, nham thạch làm thành sắt, đúc sắt làm đồ vật, thành đồ vật rồi có thể khiến cho trở lại làm nham thạch chăng? Chánh Kiến đáp rằng: Thật sự không thể làm cho sắt trở thành nham thạch. Đức Phật dạy: Thần thức lưu chuyển trú vào thân Trung ấm như nham thạch trở thành sắt chuyển sang thọ nhận thân thể khác như sắt trở thành đồ vật, hình thể thay đổi không trở lại được. Vì vậy thần thức tiếp nhận thân người lại có cha mẹ, đã có cha

mẹ thì có sáu bề tặc: 1. Trú vào thân Trung ấm không thể trở lại được; 2. Tùy theo thân đã tiếp nhận trong bào thai; 3. Sinh ra vì đau đớn bức bách cho nên quên mất thức tưởng vốn có; 4. Vì sinh vào địa ngục cho nên thức niệm diệt đi lại khởi lên tưởng thấy mới; 5. Đã sinh ra thì đắm vào ý niệm ăn uống cho nên thức niệm đoạn mất; 6. Từ ngày sinh ra tập khí lớn dần thành những cái mới không trở lại thần thức vốn có.

Đức Phật dạy: Nay các đệ tử, thần thức tùy theo việc làm ác, sắp chết tùy theo hành nghiệp mà thấy chứ không phải là than ban đầu, không thể trở lại thần thức cũ mà đối mặt báo cho nhau biết được. Chưa có đạo ý, không có tịnh nhãn, thân chết thì thần thức ra đi, tùy theo hành nghiệp biến hóa, chuyển sang thọ nhận thân thể khác, sao có thể báo cho nhau biết được? Ví như trăng mờ đêm tối lấy vật năm màu đặt trong chỗ tối đen, ngàn vạn ức người không thể nào nhìn thấy vật ấy, nếu có người cầm đuốc soi chiếu, thì đều phân biệt được năm màu. Như người ngu si mờ mịt trong ác đạo, không có được tuệ nhãn qua lại báo cho nhau biết; như đêm tối trăng mờ muốn nhìn thấy năm màu thì cuối cùng không thể nào thấy được. Nếu tu trì kinh giới thâu nhiếp giữ gìn tâm ý, thì như người cầm ngọn đuốc phân biệt rõ ràng năm màu. Vì như không có tay mà muốn viết, không có mắt mà muốn nhìn, đêm tối khâu kim, trong nước tìm lửa thì suốt đời không thể nào có được. Đệ tử các ông, hãy cố gắng thực hành theo kinh giới suy nghĩ sâu sắc về sanh tử, bắt đầu từ đâu đến, cuối cùng trở về chỗ nào, có thể trừ sạch kiết sử tự nhiên hiểu rõ những nghi ngờ. Chánh Kiến nghe xong, hoan hỷ vâng theo thực hành”.

Trong kinh A Dục Vương Thái tử Pháp Ích Hoại Mục Nhân Duyên nói: “Sáu đường đều có tướng trạng của mỗi đường.

Thứ nhất là tướng địa ngục:

*Căn nguyên của con người
Lang thang trong sanh tử,
Luôn rong ruổi chìm nổi,
Rơi vào năm nẻo đường.
Chết kia sinh nơi này
Đều có những nhân duyên,
Tướng mạo của thân người
Nay sẽ nói cho ông.
Bước đi mà nghiêng ngã
Không tự mình nhận biết,
Ngước nhìn bị mê hoặc*

*Luôn vui lại quên nhiều.
Cử động nhẹ như bay
Rong chơi nơi đồng rộng,
Người này chính là từ
Địa ngục Hoạt mà đến.
Tay chân nhiều đau nhức
Ngủ giật mình tỉnh giấc
Mộng những điều hung ác
Địa ngục Hắc Thằng đến.
Tóc rối mắt dữ dần
Răng dài ưa giận dữ,
Tiếng trầm mau nổi nóng
Đại ngục Hợp Hội đến.
Giọng nói luôn to lớn
Không biết gì hổ thẹn
Thích nghe tiếng kêu gọi
Không phân biệt thật giả,
Năm ngủ thường rên rĩ
Mộng gọi to kinh hãi,
Nên biết rằng người này
Từ ngục kêu khóc đến.
Thường ưa khóc buồn đau
Lên cao nhìn ra xa
Thích mọi người đấu đá
Không có người thân sơ
Nói thì khiến cho giận
Đêm dài không có ăn
Người này chính là đến
Từ ngục kêu khóc lớn.
Thân lớn mà chân nhỏ
Sức lực chẳng bao nhiêu,
Nói năng thường ồm ồm ở
Tiếng như hũ sành vỡ,
Thần thức không yên định
Không có tâm hiếu thuận,
Nên biết rằng người này
Từ ngục A Tỳ đến.
Thân thể thô lại xấu*

Đau khổ mãi rùng mình,
Ưa nóng thích khao khát
Tham tiếc và ganh ghét
Thấy người giúp ân huệ
Tự mình sinh phiền não
Người này quả là đến
Từ địa ngục nóng bức.
Thấy lửa luôn kinh sợ
Lại ưa thích nóng ấm
Bước đi thật nhẹ nhàng
Không phòng ngừa hợp thời
Đã làm lại hối hận
Vẫn muốn tiếp tục làm,
Người này lại đến từ
Địa ngục nóng bức lớn.
Mắt nhỏ ưa trợn trừng
Nhận chịu nhiều đối gạt
Tạo ra những hẹp hòi
Lòng dạ không rộng rãi
Thấy lớn mà sợ hãi
Nhìn nhỏ lại vui mừng,
Người này chính là đến
Từ địa ngục Ưu Bát.
Mắt đỏ hình hài xấu
Thường ưa thích kiện tụng,
Phỉ báng các Hiền Thánh
Và những người đắc đạo,
Ngày đêm rình rập người
Làm những điều phi pháp,
Nên biết rằng người này
Từ ngục Bát Đầu đến.
Mắt nhìn thấy ba góc
Bất hiếu với cha mẹ,
Sống thì mạng ngắn ngủi
Từ ngục ràng buộc đến.
Thích mang theo dao kiếm
Khiêu khích người đánh nhau,
Chắc chắn bị người giết

Từ ngục Mân trì đến.
Thân có những thương tích
Hơi miệng hôi nồng nặc,
Không gần gũi với người
Từ địa ngục Khoáng đến.
Hình thể rất cao lớn
Bước đi thì yếu đuối,
Tóc thưa da lại mỏng
Luôn luôn nhiều bệnh hoạn,
Thấy người thì giận dữ
Tham ăn không thỏa mãn,
Nên biết rằng người này
Đến từ địa ngục Diệm
Thân hình trắng mắt xanh
Nói thì chảy nước bọt,
Lời không có đầu đuôi
Thích chơi trò bụi bặm,
Thấy bùn lã rất nhiều
Thân nằm lên trên đó,
Người này chính là đến
Từ địa ngục sông tro.
Mắt vàng đầu rụng lại
Người nhìn thấy dữ dần,
Việc xảy ra hoảng sợ
Từ ngục Kiếm Thọ đến.
Tay luôn luôn cầm dao
Nghe đánh nhau thì vui,
Bị dao làm tổn hại
Từ ngục Đao Kiếm đến.
Thân hình đen cổ tặc
Thích ở trong nhà tối,
Miệng nói ra lời ác
Từ ngục Tro nóng đến.
Sức lực chẳng bao nhiêu
Không thể tự tại được,
Đương nhiên những đực mất
Chẳng có gì do mình,
Thân làm nghề giết mổ

Không xa rời bên cạnh,
 Nên biết rằng người này
 Từ ngục Lộ da đến.
 Giận vui luôn thất thường
 Lại biết luôn hối hận,
 Lúc có thể từ chối
 Không trải qua ngày đêm,
 Chân thành trách tâm mình
 Như gặp phải hình phạt,
 Người này chính là đến
 Từ địa ngục Ép lại.
 Thích ở chỗ hôi thối
 Ưa ăn vật thô tạp, Mặc
 những đồ xấu tệ Từ
 ngục phần giải đến.
 Nhan sắc thật xấu xí
 Giọng nói thì thô lỗ
 Thích xúi người đánh nhau
 Từ ngục Thiện Hương đến.
 Nên xem tướng mạo này
 Vốn từ nơi nào đến
 Biết rõ nên xa lìa xa
 Như tránh kiếp lửa cháy
 Tướng trạng của địa ngục
 Nói sơ lược như vậy.

Thứ hai là tướng súc sanh:

Tiếp đến nói súc sanh
 Chịu thân hình đổi khác,
 Chuyên tâm suy xét kỹ
 Không tạo ra duyên ấy.
 Nói năng thì chậm chạp
 Không dấy lên giận dữ,
 Cung kính bậc trưởng thượng
 Đến từ trong loài voi.
 Thân lớn mà bẩn thỉu
 Chịu đựng được Nóng lạnh,
 Giận nhiều khó hóa giải Từ
 loài Lạc đà đến.

Đi xa ăn thật khỏe
Không tránh mọi hiểm nạn,
Nhớ việc biết chân thật
Từ trong loài Ngựa đến.
Ân hòa thuận nhân ái
Chịu được sự nóng lạnh,
Không nhớ việc đã làm
Từ trong loài Trâu đến.
Lớn tiếng không hổ thẹn
Được nhiều sự kính mến,
Không phân biệt phải trái
Từ trong loài Lừa đến.
Lớn nhỏ không sợ hãi
Thường tham lam ăn thịt,
Mọi việc không khó khăn
Từ loài Sư tử đến.
Thân cao mắt tròn xoe
Đi lại nơi đồng hoang,
Căm ghét với vợ con
Từ trong loài Hổ đến.
Lông dài mắt nhỏ bé
Ít dấy khởi giận dữ,
Không thích ở một chỗ
Từ trong loài Chim đến.
Tánh không hề thay đổi
Thích giết hại côn trùng,
Chỉ vui nơi gò mả
Từ trong loài Cáo đến.
Ít tiếng rất khỏe mạnh
Không có chuyện dâm dục,
Không yêu quý vợ con
Từ trong loài Lang đến.
Không thích áo quần đẹp
Rình bắt những sai trái,
Ngủ ít giận dữ nhiều
Từ trong loài Chó đến.
Thân ngắn mà lông dài
Ăn nhiều ham ngủ nghỉ,

*Không thích nơi sạch sẽ
Từ trong loài Heo đến.
Lông vàng luôn bất ngờ
Chỉ thích chốn núi đồi
Tham ăn các hoa quả
Từ loài Vượn khỉ đến.
Gắng gượng nhiều dối gạt
Không sợ gì khó khăn,
Việc làm biết thay đổi
Từ trong loài Quạ đến.
Đa tình với sắc dục.
Ít phân biệt chính nghĩa,
Tâm không có ghi nhớ
Từ loài Bò câu đến.
Việc làm đầy tội lỗi
Gắng gượng để chịu nhục,
Bất hiếu với cha mẹ
Trong loài chim cốc đến.
Cũng không biết phép tắc
Lại không biết sai trái,
Ngày đêm luôn ngu hoặc
Từ trong loài Dê đến.
Thích nông ưa trò chuyện
Gần gũi người phóng khoáng,
Được mọi người yếu quý
Trong loài Anh vũ đến.
Những việc làm bất ngờ
Thích ở giữa mọi người,
Nói năng nhiều rắc rối
Trong loài chim sáo đến.
Bước đi thật thông thả
Ý có những quy tắc,
Làm hại nhiều sinh loại
Từ trong loài Hạc đến.
Thân hình nhỏ ham dâm
Ý không chuyên ổn định,
Thấy sắc tâm mê hoặc,
Từ trong Chim tước đến,*

Mắt đỏ mà răng ngấn
 Nói thì nhỏ nước bọt,
 Nằm thì thân cuốn lại
 Từ trong Rắn độc đến.
 Nói năng thì giận dữ
 Không xét đến ý nghĩa,
 Miệng phát ra ác độc
 Từ trong chim trám đến.
 Chỉ giải quyết tham ăn
 Âm hưởng ngậm nấc nghẹn,
 Đêm thì lại ít ngủ
 Từ trong loài Mèo đến.
 Đào xuyên tường trộm cắp
 Ham của cải rất sợ,
 Cũng không có thân sơ
 Từ trong loài chuột đến.
 Quán xét kỹ tướng mạo
 Từ súc sanh mà đến.

Thứ ba là tướng ngạ quỷ:

Thân cao nhiều sợ hãi
 Láy tóc quấn chặt thân,
 Áo quần luôn bẩn thỉu
 Từ ngạ Quỷ mà đến.
 Dâm dật lại tham tiệc
 Ghét cái được của người,
 Không thích ban ân huệ
 Từ ngạ quỷ mà đến.
 Bất hiếu với cha mẹ
 Lớn nhỏ trong gia đình,
 Đụng chạm là tranh cãi
 Từ ngạ Quỷ mà đến.
 Không tin lời chí thành
 Làm việc theo hứng thú,
 Sức yếu hiểu biết ít
 Từ ngạ Quỷ mà đến.
 Âm thanh bị tắc nghẽn
 Bất ngờ sinh giận dữ,
 Ăn thì thích món nóng

Từ nọ Quỷ mà đến.
Luôn thiếu hụt tiền bạc
Nghèo hèn ít hiểu biết,
Bị người trí chê cười
Từ nọ Quỷ mà đến.
Nhà không thờ kính Phật
Không thích nghe giáo pháp,
Đường Trời mãi xa cách
Từ nọ Quỷ mà đến.
Vợ con không kính trọng
Anh chị em trong nhà,
Mọi người đều căm ghét
Từ nọ Quỷ mà đến.
Sống thì luôn cô quạnh
Không người nào nhìn ngó,
Chết trở về nơi đến
Không xa lìa duyên xưa.
Ý chí rất hẹp hòi
Không thích sự quang vinh,
Những việc làm khó coi
Từ nọ Quỷ mà đến.
Việc làm không ích lợi
đã làm điều phiến toái,
Bị mọi người xua đuổi
Từ nọ Quỷ mà đến.
Hoặc có việc vui buồn
Không xét kỹ căn nguyên,
Không nghe người can ngăn
Từ nọ quỷ mà đến.
Không thích nơi vắng lặng
Ưa sống nơi nhà xí,
Dung mạo thường xấu xa
Từ thần gió mà đến.
Thân lớn ưa tốt đẹp
Ham thích ăn món thịt,
Chỉ thích thờ thần linh
Từ Duyệt xoa mà đến.
Nóng giận cùng đánh nhau

Thấy vật thì tham đắm,
 Không hề có né tránh
 Từ Duyệt xoa mà đến.
 Người thấy lông dựng đứng
 Thẳng về trước nhìn kỹ,
 Giống như bị sai lầm
 Từ La sát mà đến.
 Thân hình nhỏ da mỏng
 Vẻ mặt thật dễ gần,
 Nghe âm nhạc vui mừng
 Từ Càn đạ hòa đến.
 Ý tốt lành nhanh nện
 Hương xông ướp tự xoa,
 Có nhiều những kỹ thuật
 Từ Càn đạ hòa đến.
 Luôn luôn thích múa hát
 Gái trai cùng hầu hạ,
 Trước nói sau mỉm cười
 Từ chân đà la đến.
 Tánh tình thật dịu dàng
 Hiểu rõ ràng thời tiết,
 Có thể đoan lậu kết
 Từ Chân đà la đến.
 Đây là tướng ngạ quỷ
 Duyệt xoa của La sát.

Thứ tư là tướng tu la:

Mắt tròn khuôn mặt vuông
 Thân màu vàng - tóc vàng,
 Đầy đủ các kỹ thuật
 Từ A-tu-luân đến.
 Thẳng oán thù thì đánh
 Từ A-tu-luân đến.
 Đây là A-tu-luân
 Tướng ấy nói sơ lược.
 Thứ năm là tướng loài người:
 Biết hướng về nơi sanh
 Giữ gìn không quên mất,
 Hiểu rõ ràng sự nghiệp

Từ loài người mà đến.
 Loại bỏ những hư giả
 Ngừng lại không thực hiện,
 Việc làm đều bình đẳng
 Từ loài người mà đến.
 Nói điều thiện-điều ác
 Lân đầu không quên mất,
 Không tin theo gian dối
 Từ loài người mà đến.
 Tham dâm và ganh ghét
 Tâm chấp chặt khó bỏ,
 Biết những cách thông tục
 Từ loài người mà đến.
 Ý tin hành bố thí
 Biết pháp và phi pháp,
 Tâm không lệch bên nào
 Từ loài người mà đến.
 Không sai lạc giờ giấc
 Cũng không thể lừa nhác,
 Cung kính bậc Thánh Hiền
 Từ loài người mà đến.
 Giả sử gặp Sa môn
 Trì giới và đa văn,
 Chí tâm để thừa sự
 Từ loài người mà đến.
 Có thể thờ chư Phật
 Chánh pháp và chúng Tăng,
 Thường xuyên nghe giáo pháp
 Từ loài người mà đến.
 Nghe pháp có thể biết
 Nghe điều ác không làm,
 Nhanh chóng đến Niết-bàn
 Từ loài người mà đến.
 Đây là tướng loài người
 Nói sơ về bên ngoài.

Thứ sáu là tướng loài Trời:

Dựa vào núi Tu di
 Có năm chủng loại Trời,

Đã tạo duyên ban đầu
Tướng đó không giống nhau.
Eo lưng nhỏ chân to
Luôn luôn thích mỉm cười,
Người trí nên xét kỹ
Từ loài Khúc thiên đến.
Ý tốt lành vì diệu
Ít hướng về tiền của,
Thấy đánh nhau thì sợ
Từ loài Thi thiên đến.
Thân cao thể trong trắng
Nhan sắc thật đoan chánh
Không thích nhìn ánh lửa
Từ loài Bà thiên đến.
Trong lòng thường vui vẻ
Nghe điều ác không vui,
Không theo người ta chịu
Từ loài Nhạc thiên đến.
Tư duy chịu đựng khổ
Thích phân biệt nghĩa lý,
Từ hiếu với cha mẹ
Từ Tỳ Sa thiên đến.
Ở không thích nhà cửa
Ưa đến nơi núi rừng,
Thường nghĩ đến nữ sắc
Từ cõi Tam thiên đến.
Tiền của tuy không nhiều
Sanh trong nhà hèn mọn,
Nhưng tâm vui thanh tịnh
Từ cõi Tam thiên đến.
Tùy ý mình tự làm
Việc làm không hạn định,
Nhìn xa làm trái nguyện
Từ cõi Viêm thiên đến.
Ý thích dâm người ta
Không giữ gìn vợ mình,
Bị ma quỷ sai khiến
Từ Tha Hóa thiên đến.

Vâng theo thờ cha mẹ
 Luôn luôn pháp là nghĩa,
 Chẳng phải đạo cầu đạo
 Tâm không hề tiếc rẻ
 Không vui với tại gia
 Từ cõi Phạm thiên đến.
 Ý nguyện và tính chất
 Luôn luôn ham ngủ nghỉ,
 Cũng không hiểu phép tắc
 Từ Vô Tưởng thiên đến.
 Chúng sanh trong sáu đường
 Tất cả không căn bản,
 Tánh hạnh không giống nhau
 Tiết tháo cũng sai khác”.

Tụng rằng:

Thiện ác trái ngược nhau
 Phạm Thánh cùng một đạo,
 Năm ấm tuy giống nhau
 Mà sáu đường khác pháp,
 xem tướng quán sát kỹ
 Điều biết nghiệp đời trước,
 Bỏ ác mà tu thiện
 Mới có thể ngăn được.

NHÂN DUYÊN CẢM ỨNG

Sơ lược dẫn ra sáu chuyện: 1. Hoàng Đầu Lang thời Hán; 2. Chu Á Phu thời Hán; 3. Lưu Linh thời Tống; 4. Sa môn Thích Diễm thời Lương; 5. Sa môn Thích Trí Tạng thời Lương; 6. Cư sĩ Trương Nguyên thời Chu.

1. Hán Văn Đế mộng sắp lên cõi Trời mà không lên được, có một người đầu màu vàng đầy mà tiến lên, quay đầu lại nhìn mà thấy áo quần người đó xuyên thủng phía sau. Tỉnh giấc đang ở trên đài cao, thấy người đầu màu vàng là Đặng Thông áo quần xuyên thủng phía sau, chính là người đã thấy trong mộng. Liền có ý ban thưởng sủng ái, cho phép được làm tể tướng. Đang lúc ấy nghèo đói hết mức, bèn ban thưởng núi đồng ở nước Thục Khiển cho tự đúc tiền để cung cấp giúp đỡ, tài sản bằng nửa chốn kinh sư. Văn Đế mắc bệnh ung nhọt, Đặng Thông luôn luôn bị họ. Văn Đế nói: Ai yêu quý Ta nhất? Đặng Thông

trả lời rằng: Yêu quý không ai bằng Thái tử. Khiến Thái tử ho mà sắc mặt khó chịu, vì vậy ô lòng oán hận. Sau đó Văn Đế băng hà, Cảnh Đế lên ngôi, tra cứu bản án Đặng Thông tự ý đúc tiền, tịch thu tất cả nhà cửa tài sản, cuối cùng mà chết đói.

2. Thời nhà Hán có Chu Á Phu, là con trai thứ của Giáng Hầu Bột. Ban đầu Hứa Phụ xem tướng nói rằng: Ông trong ba năm đến tước Hầu, năm năm mà làm tướng, đại vị cao ấy không gì hơn, nhưng cuối cùng bị chết đói. Á Phu nói: Ôi, tôi vì sao như vậy, nếu đã là địa vị cao quý, lại vì sao mà chết đói? Hứa Phụ nói: Không phải như vậy, thuận theo lý nhập khẩu là pháp luật bỏ đói mà chết. Sau ba năm Giáng Hầu Thế Tử có tội bị cách chức, mà Á Phu tiếp tục duy trì tước Hầu, đến khi phá tan Ngô Sở có công lớn trở thành Thừa tướng. Vì trung thành cương trực nhiều lần phạm đến ý của Cảnh Đế, cho nên bị giam vào ngục cuối cùng mà chết đói.

Hai chuyện trên đây trích từ Hán Thư.

3. Thời nhà Tống có Lưu Linh, không biết người nơi nào, sống ở thôn trong phạm vi thành đầu đường Đông vùng Tấn Lăng, rất tôn kính giáo pháp, ở trong nhà lập ra một gian tinh xá, thường thiết trai tụ tập đông đủ. Ngày 27 tháng ba năm thứ chín thời Tống Nguyên Gia, cha mắc bệnh đột ngột qua đời, các thầy mo cầu nguyện đều nói rằng: Nhà sẽ tiếp tục có ba người chết. Cạnh nhà có Đạo sĩ thờ ngoại đạo, họ Ngụy tên Phả, thường làm phù ấn giả dối cảm hóa mọi người trong thôn xóm, nói với Lưu Linh rằng: Nhà anh suy sụp tai họa không ngừng, bởi vì tôn thờ thần linh người Hồ đấy, nếu thờ Đại đạo thì chắc chắn được nhờ phước lành che chở, không đổi ý thì tương lai gia đình diệt vong. Lưu Linh liền gấp rút mời Đạo sĩ bỏ không tôn thờ giáo pháp. Ngụy Phả nói: Nên đốt bỏ kinh tượng, thì tai họa mới được trừ diệt mà thôi. Lập tức đóng cửa tinh xá châm lửa đốt sạch, lửa cháy rừng rực suốt ngày mà vật bị cháy thì chỉ có ngôi nhà mà thôi, Kinh tượng cờ phướn vẫn y hệt như cũ, phi tượng ở trong đêm tối lại phát ra ánh sáng chói lòa. Lúc ấy các Đạo sĩ có trên hai mươi người, cũng có vẻ sợ hãi điều linh nghiệm mà tìm cách rời xa. Thầy trò Ngụy Phả hãy còn ý muốn hăng say không dừng lại, xóa tóc bước đi một mình cầm theo dao và dây thừng, nói rằng đui Phật trở về nước Hồ, không được ở lại Trung Hạ làm hại dân chúng. Lưu Linh ngay trong đêm ấy giống như có người đang đánh đập mình, bỗng nhiên ngã nhào xuống đất, mọi người đỡ dậy thấy còn lại hơi thở, liền ủ rũ co quắp không thể nào cử động được. Đạo sĩ Ngụy Phả, lúc ấy trong thân thể phát ung nhọt mỗi ngày chảy ra hai thăng,

không quá một tháng nhận chịu đau khổ mà chết. Đồng bạn từ bên ngoài đều mắc phải bệnh hủi. Người hàng xóm ấy là Thủy Khâu Hòa – Thái thú vùng Đông An, truyền đến Đông Dương không nghi ngờ gì, lúc ấy cũng có nhiều người trông thấy.

Chuyện trên đây trích từ Minh Tường Ký.

4. Thời nhà Lương có Sa môn tên Diễm ở chùa Chiêu Đề, tuổi nhỏ đã xuất gia. Lúc mới làm Sa di, có một người xem tướng, giỏi về tài năng xem bói qua tướng, nói với thầy Diễm rằng:

Đệ tử thấy thầy tuy rất thông minh trí tuệ sắc sảo, nhưng mà mạng ngắn ngủi sống không qua một tuần nữa đâu. Thầy Diễm đã nghe lời này, liền mời các Đại đức cùng nhau bình luận, làm phước gì tốt đẹp để được kéo dài mạng sống. Các Đại đức trả lời rằng: Dựa theo Thánh giáo của Đức Phật thì thọ trì kinh Kim Cang Bát Nhã, công đức lớn nhất, nếu có thể cố gắng thọ trì thì chắc chắn được tăng thêm tuổi thọ. Thầy Diễm vâng mạng vào núi lập chí tu dưỡng thân tâm thọ trì kinh Bát Nhã. Hơn năm năm đã thấy là kéo dài tuổi thọ. Sau đó nhân dịp rời núi lại gặp người xem tướng, người xem tướng ngạc nhiên cảm thấy lạ lùng, liền nói với thầy Diễm rằng: Gần đây tu công đức gì mà được tăng thêm thọ mạng như vậy? Thầy Diễm kể lại đầy đủ ý trước đây, cho nên được như vậy. Người xem tướng ca ngợi vui mừng mãi không thôi. Về sau thầy Diễm học hỏi càng tốt đẹp thêm, cố gắng hoằng dương kinh luận nghiên cứu sâu trong Phật pháp, làm vị Đại đức trú trì, tuổi quá chín mươi, mạng chung ở tại chùa này.

5. Thời nhà Lương có Sa môn Trí Tạng ở chùa Khai Thiện - Chung Sơn, người họ Cố Thị ở quận Ngô - nước Ngô. Có bà cụ già giỏi về xem tướng cho người để biết lành dữ, trăm người không sai một người, nói với Trí Tạng rằng: Pháp sư thông minh biện luận sắc sảo hơn người danh tiếng lưu trong khắp thiên hạ, chỉ tiếc là mạng sống không dài, có thể đến ba mươi mốt thôi. Lúc ấy tuổi đã hai mươi chín, nghe nói cho biết thời hạn ngắn ngủi này, thế là lập tức dừng giảng giải dốc lòng tu đạo, phát thệ nguyện to lớn là không ra khỏi cổng chùa. Liền tìm tòi trong kinh tạng gặp được kinh Kim Cang Bát Nhã, thọ trì đọc tụng tôn kính suốt đời. Đến tuổi cuối đời gặp tai ách như đã báo trước, dùng hương thơm trải qua tắm rửa, vào trong phòng vắng lặng tụng kinh để chờ cái chết đến. Chốc lát nghe giữa hư không có tiếng nói rằng: Này người thiện nam, ông trước kia là thọ ba mươi mốt tuổi, thì báo mạng hết kỳ hạn, nhờ uy lực của kinh Bát Nhã mà được thọ mạng gấp bội rồi. Sau đó Trí Tạng ra khỏi núi thử đi qua chỗ người xem tướng trước kia.

Người ấy mới vô cùng kinh ngạc đứng dậy nói: Vì sao hầy còn ở thế gian vậy, trước đây thấy tướng thọ ngắn ngủi, năm nay hoàn toàn không có việc gì, Sa môn quả thật không thể nào xem tướng rồi. Trí Tạng hỏi: Năm nay được đến bao nhiêu? Đáp rằng: Sắc tướng cao quý của Pháp sư hơn sáu mươi tuổi. Trí Tạng nói: Năm mươi làm mạng đã là không chết non, hưởng hồ vượt qua vậy. Thế là đem nguyên do nói cho người xem tướng biết, người ấy vui mừng kính phục vô cùng, sau đó ghi nhớ đến lúc tận số. Ngay sau đó đạo tục vùng Giang Tả thi nhau tụng trì kinh này, quả thật là có dấu hiệu tốt lành, nhờ vào Trí Tạng mà tất cả đều cảm nhận vậy. Vào ngày mười lăm tháng chín năm thứ ba thời Lương Phổ Thông, tạ thế tại chùa này, hưởng thọ sáu mươi lăm tuổi.

Hai chuyện trên đây trích từ Lương Cao Tăng Truyện.

6. Vào thời Hậu Chu có Trương Nguyên tự là Hiếu Thỉ, người vùng Vạn Thành – Hà Bắc, tuổi vừa mười sáu, ông của Trương Nguyên bị mù mắt, suốt ba năm Trương Nguyên luôn luôn ưu sầu khóc lóc, ngày đêm kinh hành để cầu phước lành gia hộ, lại đọc kinh Dược Sư nói: “Người mà được nhìn thấy”. Liền thỉnh bảy vị Tăng thấp bảy ngọn đèn, bảy ngày bảy đêm lần lượt đọc tụng kinh Dược Sư, mỗi ngày hành đạo đều chịu đựng gian khổ cầu nguyện rằng: Trương nguyên là cháu bất hiếu, khiến cho ông bị mù mắt, nay dùng ánh đèn cúng dường khắp nơi pháp giới, mắt ông được sáng lại, Trương Nguyên cầu được tối thay ông. Tha thiết cầu nguyện trải qua bảy ngày như vậy, đêm ấy mộng thấy có một ông lão, lấy một chiếc lược bí bằng vàng chữa bệnh mắt cho ông mình, nói với Trương Nguyên rằng: Chớ lo buồn đau thương gì cả, ba ngày về sau mắt của ông con chắc chắn chữa khỏi. Trương Nguyên ở trong mộng vui mừng nhảy nhót không sao nói được. Tức thì lúc ấy giật mình tỉnh giấc, bèn kể lại đầu đuôi giấc mộng cho mọi người trong nhà biết. Quả nhiên sau ba ngày mắt của ông được khỏi bệnh.

Chuyện trên đây trích từ Chu Sử.

